



NHÓM SVCG HẢI HÀ

Ban Phụng Vụ

TÀI LIỆU
GIÁO LÝ và PHỤNG VỤ
NĂM ĐỨC TIN 2012-2013



LƯU HÀNH NỘI BỘ

MỤC LỤC

Lời giới thiệu	4
Phần 1: GIÁO LÝ ĐỨC TIN	
1. Ý nghĩa logo năm đức tin	11
2. Tìm hiểu Công đồng Vaticano II.....	12
3. Tìm hiểu sách giáo lý của Hội Thánh Công Giáo	14
Bài 1: Con người có khả năng đón nhận Thiên Chúa	
	17
Bài 2: Thiên Chúa mạc khải cho con người	19
Bài 3: Cách thức lưu truyền mạc khải.....	21
Bài 4: Thánh Kinh.....	23
Bài 5: Con người đáp lại lời Thiên Chúa.....	25
Bài 6: Thiên Chúa duy nhất.....	27
Bài 7: Thiên Chúa là Cha, là Con và Thánh Thần .	29
Bài 8: Thiên Chúa là Đấng sáng tạo quan phòng ...	31
Bài 9: Thiên Chúa tạo dựng con người.....	34
Bài 10: Con người sa ngã.....	36
Bài 11: Đức Giêsu Kitô – Con Một Thiên Chúa .	38
Bài 12: Con Thiên Chúa làm người.....	40
Bài 13: Cuộc sống trần thế của Đức Giê-su....	42

Bài 14: Cuộc khổ nạn của Chúa Giê-su.....	46
Bài 15: Đức Giê-su sống lại và lên trời.....	49
Bài 16: Đức Giê-su đến phán xét kẻ sống và kẻ chết.....	52
Bài 17: Chúa Thánh Thần	54
Bài 18: Hội Thánh trong chương trình cứu độ của Thiên Chúa.....	57
Bài 19: Các đặc tính của Hội Thánh.....	60
Bài 20: Tổ chức Hội Thánh.....	64
Bài 21: Lược sử Giáo Hội Công Giáo tại Việt Nam.....	67
Bài 22: Hiệp thông giữa các Thánh.....	73
Bài 23: Đức Maria Mẹ Hội Thánh.....	75
Bài 24: Ôn tha tội	77
Bài 25: Ôn Phục Sinh và đời sống vĩnh cửu ...	79
4. Hiểu và sống đức tin qua tự sắc PORTA FIDEI (CÁNH CỬA ĐỨC TIN) của Đức Thánh Cha Benedicto XVI	82
Phần 2: Phần II: TÌM HIỂU VỀ PHỤNG VỤ.	
Bốn một câu hỏi về Thánh lễ Misa	105
Phần 3: Tài liệu tham khảo.....	172

LỜI GIỚI THIỆU

ACE thân mến! Hiểu được việc học hỏi Giáo lý là một trong những điều cần thiết đối với một nhóm SVCG. Và cùng hòa chung nhịp đập của toàn thể Giáo Hội hoàn vũ trong Năm Đức tin, đòi hỏi chúng ta là những người trẻ phải củng cố Đức Tin bằng cách học hỏi Giáo lý, Kinh Thánh và sống Đức tin một cách sung mãn. Như lời của Đức Thánh Cha Bênêdictô XVI đã nói trong sứ điệp nhân ngày Giới trẻ Thế giới lần thứ 26 được tổ chức tại Madrid: *“Các bạn thân mến, tôi mời gọi các bạn hãy tăng cường con đường Đức tin của các bạn nơi Thiên Chúa, là Cha của Đức Giêsu Kitô Chúa chúng ta”*.

Cũng trong tư tưởng đó, HĐGM VN, trong thư Chung (2011) Hậu Đại Hội Dân Chúa 2010, khẳng định: *“...Cùng với việc học hỏi Lời Chúa, việc dạy và học giáo lý là đòi hỏi tối cần thiết trong đời sống Giáo Hội, nhất là trong thời đại ngày nay đầy rẫy những luồng tư tưởng nghịch với Tin Mừng...”* (s. 11)

Và trong Lời Giới Thiệu của cuốn Tài Liệu Giáo Lý Năm Đức Tin Giáo phận Hải Phòng, Đức

Cha Giuse Vũ Văn Thiên có viết: *“Học Giáo lý để củng cố Đức tin và sống Đức tin một cách có hiệu quả hơn trong cuộc sống hằng ngày. Nhờ việc học Giáo lý mà chúng ta biết mình tin vào ai, và phải làm gì để được sự sống đời đời qua việc chuyên cần học Giáo lý, đời sống đạo của chúng ta được tăng trưởng trong tình mến Chúa yêu người”*

Vì những lý do trên Ban Phụng Vụ nhóm SVCG Hải Hà mở cuộc thi tìm hiểu, học hỏi Giáo Lý, Kinh Thánh để giúp các thành viên trong nhóm thêm hiểu biết về Kinh Thánh, cũng như Giáo Lý trong Năm Đức Tin. Từ đó thêm yêu mến, tin tưởng phó thác cho Thiên Chúa là Đấng đã yêu thương đến cùng trong Đức Giêsu Kitô.

Được sự giúp đỡ của các quý Đấng bậc, Ban Phụng Vụ đã soạn thảo Tài Liệu Giáo Lý - Kinh Thánh Năm Đức Tin. Dựa trên giáo trình của Bộ Giáo lý Đức tin, Giáo trình Giáo lý của Hội đồng Giám mục Việt Nam, và tài liệu học hỏi Phụng vụ của ban Giáo lý giáo Phận Đà Nẵng, Tài liệu Phụng vụ của dòng Đồng công Hoa Kỳ cũng như tài liệu Giáo lý năm Đức tin của Giáo phận Hải Phòng, tài liệu Giáo lý năm Đức tin Giáo phận Thái Bình.

Cuốn tài liệu này gồm 2 nội dung chính:

Phần 1: Giáo Lý Năm Đức tin

Phần 2: Tìm hiểu về Phụng vụ

Lưu ý: Phần thi Kinh Thánh lấy ở nội dung các bài đọc trong Thánh Lễ Chúa Nhật. (Giới hạn từ Chúa Nhật thứ 3 mùa chay, tới Chúa Nhật Lễ truyền thống của nhóm SVCG Hải Hà.)

Phần sinh hoạt tôn giáo tìm hiểu xoay quanh Thánh lễ, các hoạt động, (đặc biệt là hoạt động của nhóm - Cầu nguyện 7 bước).

Chúng con xin cảm ơn quý Cha, quý Thầy đã đồng hành hướng dẫn chúng con hoàn thành tài liệu này.

Nhân đây cũng xin cảm ơn ACE trong ban cán sự, các anh chị cựu, cũng như các thành viên trong nhóm đã ủng hộ, và nhiệt tình tham gia, cũng như đóng góp cho chương trình.

Và chúng con biết rằng việc biên soạn tài liệu này cần đòi hỏi nhiều thời giờ và công sức, và cũng vì điều kiện khả năng của chúng con còn hạn chế, mặc dù có cố gắng nhưng chắc chắn vẫn còn nhiều thiếu sót, kính mong quý Đấng bậc cũng như các

ACE lượng thứ và xin đóng góp ý kiến cho tài liệu này thêm hoàn thiện hơn.

Nguyện xin Chúa qua Mẹ Maria chúc lành cho những công việc của chúng ta!

Hà Nội ngày 03 tháng 03 năm 2013

T/M Ban Phụng Vụ

Paul. Phạm Công Đức

Phần 1

GIÁO LÝ NĂM ĐỨC TIN

MỤC ĐÍCH Ý NGHĨA NĂM ĐỨC TIN

1. Hỏi: Ai là người đã mở Năm Đức Tin?

Thưa: Đức Thánh Cha Bênêđictô XVI đã tuyên bố mở “Năm Đức Tin”, kéo dài từ ngày 11 tháng 10 năm 2012 đến ngày 24 tháng 11 năm 2013.

2. Hỏi: Năm Đức Tin là gì?

Thưa: Năm Đức Tin là thời gian toàn thể Giáo Hội tái khám phá, đào sâu và sống sâu xa hơn đức tin của mình, để có thể thông truyền hồng ân đức tin đó cho mọi người.

3. Hỏi: Năm Đức Tin Khai mạc khi nào?

Thưa: Năm Đức Tin bắt đầu ngày 11 tháng 10 năm 2012 đến ngày 24 tháng 11 năm 2013.

Tại Việt Nam, Năm Đức Tin được khai mạc cấp toàn quốc vào ngày 12 tháng 10 năm 2012 Tại Thanh Hóa.

Các giáo phận sẽ khai mạc Năm Đức tin vào ngày 18 tháng 10, Lễ kính Thánh Sử Luca. Các giáo xứ sẽ cử hành lễ khai mạc vào Chúa Nhật truyền giáo, ngày 21 tháng 10 (Tuy nhiên mỗi

Giám mục có thể chọn thờ điểm thích hợp theo nhu cầu và hoàn cảnh của địa phương)

4. Hỏi: Năm Đức Tin nhằm mục đích gì?

Thưa: Năm Đức Tin nhằm 3 mục đích này:

- Một là giúp tái khám phá điều cốt lõi và nền tảng của Đức Tin là cuộc gặp gỡ của mỗi người với Đức Giê-su Ki-tô, Con Thiên Chúa Đáng Cứu độ trần gian

- Hai là kỷ niệm 50 năm khai mạc Cộng đồng Vatican II, giúp tái khám phá những nét phong phú trong giáo huấn của Cộng đồng làm cho người tín hữu hôm nay.

- Ba là đề kỷ niệm 20 năm ban hành Sách Giáo Lý của Hội Thánh Công Giáo, giúp người tín hữu vững tâm sống, làm chứng và truyền bá đức tin của mình.

1.Hỏi: Các bạn trẻ cần làm gì để tham gia vào sứ vụ truyền giáo của Giáo hội?

Thưa: Để tham gia vào sứ vụ truyền giáo của Giáo hội, các bạn trẻ cần phải:

- Một là sống đức tin qua việc học hỏi giáo lý, tham dự thánh lễ, nhất là lễ Chúa nhật và lễ Trọng.

- Hai là năng lĩnh nhận các Bí tích.

- Ba là tham gia các hội đoàn đạo đức trong giáo xứ, giáo họ mình đang sống.

- Bốn là cần phải có lương tâm ngay thẳng, đời sống bác ái thì mới có sức thuyết phục người khác và dẫn đưa họ về với Chúa.

Ý NGHĨA CỦA LOGO NĂM ĐỨC TIN



Logo này được biểu tượng qua một hình vuông, với con thuyền tượng trưng cho Giáo Hội lữ hành, được trình bày như con thuyền đang lướt trên những ngọn sóng ra khơi.

Trung tâm và điểm nhấn trên con tàu là hình Thánh Giá đỡ nâng ba buồm tạo nên chữ JHS tượng trưng cho Chúa Ki-tô là trung tâm và là Đấng điều khiển và hướng dẫn con thuyền Giáo Hội

Đằng sau những cánh buồm là một mặt trời, hòa hợp với biểu tượng, dấu chỉ của Thánh Thể.

Tìm Hiểu

Công Đồng Va-ti-ca-nô II

1. Hỏi: Công Đồng Va-ti-ca-nô II là gì?

Thưa: Công Đồng Va-ti-ca-nô II là hội nghị toàn thể các Giám mục trên thế giới tại Va-ti-can, do Đức Thánh Cha Gio-an XXIII Triệu tập và khai mạc năm 1962, kết thúc năm 1965 Do Đức Thánh Cha Phao-lô VI. Đây là công đồng chung thứ 21 của Giáo Hội Công Giáo.

2. Hỏi: Công Đồng Va-ti-ca-nô II được triệu tập có mục đích gì?

Thưa: Công Đồng Va-ti-ca-nô II được triệu tập nhằm canh tân Giáo Hội, tiến tới sự hiệp nhất các Ki-tô hữu, giúp Giáo Hội phản chiếu trung thực hơn khuôn mặt của Đức Ki-tô cho thế giới ngày hôm nay.

3. Hỏi: Công Đồng Va-ti-ca-nô II bàn về những vấn đề gì?

Thưa: Công Đồng Va-ti-ca-nô II bàn về mọi khía cạnh của đời sống Giáo Hội: Lời Thiên Chúa, Phụng vụ, cơ cấu và bản chất của Giáo Hội, truyền giáo, đại kết, tương quan của Giáo Hội với các tôn giáo khác và trong thế giới ngày nay, các thành

phần trong Giáo Hội: Giám mục, linh mục, tu sĩ, giáo dân.

4. Hỏi: Công Đồng Va-ti-ca-nô II ban hành bao nhiêu văn kiện?

Thưa: Công Đồng Va-ti-ca-nô II ban hành 16 văn kiện sau đây:

- Bốn Hiến chế: Phụng Vụ, Giáo hội, Mặc Khải, và Giáo Hội trong thế giới ngày nay.

- Chín sắc lệnh: Truyền thông xã hội, Hiệp Nhất, Các Giáo Hội Công Giáo Đông phương, Nhiệm vụ của Giám mục, Đào tạo linh mục, canh tân đời sống dòng tu, Chức vụ và đời sống linh mục, Tông đồ giáo dân, Hoạt động truyền giáo.

- Ba tuyên ngôn: Giáo Dục Ki-tô giáo, Liên lạc của Giáo Hội với các tôn giáo ngoài Ki-tô giáo, Tự do Tôn Giáo.

5. Hỏi: Đâu là những thành quả của Công Đồng Va-ti-ca-nô II?

Thưa: Công Đồng Va-ti-ca-nô II đã khai mở những nỗ lực canh tân trong Giáo Hội về mọi mặt: Phục vụ, học hỏi Lời Chúa, nghiên cứu thần học, đào tạo linh mục, tu sĩ, giáo dân, đối thoại liên tôn, dân thần xây dựng xã hội.

Tìm Hiểu

Sách Giáo lý của Hội Thánh Công Giáo

1. Hỏi: Sách Giáo lý của Hội Thánh Công giáo ra đời trong hoàn cảnh nào?

Thưa: Sách Giáo lý của Hội Thánh Công giáo ra đời do đề nghị của các nghị phụ Thượng hội đồng Giám mục năm 1985, dịp kỷ niệm 20 năm bế mạc Công Đồng Va-ti-ca-nô II. Các ngài muốn có một quyển tóm kết toàn bộ giáo lý công giáo về mặt Đức tin và luân lý.

2. Hỏi: Sách Giáo lý của Hội Thánh Công giáo được biên soạn nhằm những mục tiêu nào?

Thưa: Sách Giáo lý của Hội Thánh Công giáo được biên soạn nhằm bốn mục tiêu này:

- Một là: Nhằm trình bày một cách mạch lạc và tổng hợp những nội dung cốt yếu và căn bản của Giáo lý Công giáo, dưới ánh sáng Công Đồng Va-ti-ca-nô II và toàn bộ Thánh Truyền.

- Hai là: Để làm bản văn quy chiếu giúp soạn thảo các sách giáo lý hay toát yếu tại các nước khác nhau.

- Ba là: Dành cho các vị có trách nhiệm dạy giáo lý : Các Giám mục, linh mục, giáo lý viên và những người soạn sách giáo lý.

- Bốn là: Để giúp các Ki-tô hữu đào sâu đức tin của mình.

3. Hỏi: Việc biên soạn Sách Giáo lý của Hội Thánh Công giáo diễn ra như thế nào?

Thưa: Việc biên soạn Sách Giáo lý của Hội Thánh Công giáo kéo dài 6 năm, do một Ủy Ban Tòa Thánh phụ trách gồm 12 Hồng y và giám mục do Đức Hồng Y Ratzinger, tổng trưởng Bộ Giáo Lý Đức Tin đứng đầu, với sự cộng tác và góp ý của các Giám mục, các nhà thần học, Kinh thánh, huấn giáo, các đại học Công giáo trên khắp thế giới.

4. Hỏi: Sách Giáo lý của Hội Thánh Công giáo được ban hành ngày nào?

Thưa: Với tông hiến Kho tàng Đức tin, ngày 11 tháng 10 năm 1992, Đức Thánh Cha Gio-an Phao-lô II đã ban hành quyền Giáo lý của Hội Thánh Công giáo trên toàn thế giới.

5. Hỏi: Sách Giáo lý của Hội Thánh Công giáo gồm mấy phần?

Thưa: Sách Giáo lý của Hội Thánh Công giáo gồm 4 phần:

- Phần 1 : Tuyên xưng Đức tin: Kinh Tin Kính.
- Phần 2: Cử hành mầu nhiệm Ki-tô giáo: Phụng vụ các bí tích.

- Phần 3: Đời sống trong Đức Ki-tô: Luân lý và Mười Điều Răn

- Phần 4: Kinh nguyện Ki-tô giáo: Kinh nguyện trong đời sống Ki-tô hữu và Kinh Lạy Cha.

6. Hỏi: Để giúp các thành phần Dân Chúa dễ học hỏi Sách Giáo lý của Hội Thánh Công giáo, Tòa Thánh đã làm gì?

Thưa: Để giúp các thành phần Dân Chúa dễ học hỏi sách Giáo lý của Hội Thánh Công giáo, Tòa Thánh đã biên soạn Bản Toát Yếu. Quyển này đã được Đức Thánh Cha Bênêdictô XVI ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2005.

TUYÊN XUNG ĐỨC TIN

Chương I: TÔI TIN CHÚNG TÔI TIN

Bài 1: CON NGƯỜI CÓ KHẢ NĂNG ĐÓN NHẬN THIÊN CHÚA

(X. SGLC từ 27 đến 43)

“Những gì người ta có thể biết về Thiên Chúa, thì thật là hiển nhiên trước mắt họ vì chính Thiên Chúa đã cho họ thấy” (Rm 1, 19)

1. Hỏi: Ta sống ở đời này để làm gì?

Thưa: Ta sống ở đời này để tìm hạnh phúc, và hạnh phúc thật là được hiệp thông với Thiên Chúa.

2. Hỏi: Tại sao hạnh phúc ấy chỉ có nơi Thiên Chúa?

Thưa: Vì ta được Thiên Chúa tạo dựng, nên khao khát hiệp thông với Người, như lời Thánh Augustinô nói: “Lạy Chúa, Chúa đã tạo dựng con cho Chúa, và lòng con những khắc khoải cho tới khi được an nghỉ trong Chúa”.

3. Hỏi: Ta có thể nhận biết Thiên Chúa bằng cách nào?

Thưa: Ta có thể nhận biết Thiên Chúa bằng hai cách này:

- Một là nhờ xem vẻ đẹp kỳ diệu và trật tự lạ lùng trong vũ trụ.

- Hai là khi nhìn vào lòng mình, thấy có tiếng lương tâm bảo làm lành lánh dữ, có tự do và khát vọng hạnh phúc vô biên.

4. Hỏi: Nhận biết như vậy đã đầy đủ chưa?

Thưa: Chưa, vì khả năng con người có giới hạn, nên có những mâu nhiệm phải nhờ Thiên Chúa mạc khải mới biết được.

Bài 2

THIÊN CHÚA MẠC KHẢI CHO CON NGƯỜI

(X. SGLC từ 50 đến 73)

*“Thiên Chúa đã ban tặng cho chúng ta những gì rất quý báu và trọng đại Người đã hứa, để nhờ đó, anh em được thông phần bản tính Thiên Chúa”
(2 Pr 1,4)*

1.Hỏi: Mạc khải là gì?

Thưa: Mạc khải là việc Thiên Chúa tỏ bày cho con người biết Thiên Chúa là ai và Ngài muốn gì. Nhờ đó con người có thể đến với Thiên Chúa và hiệp thông với Ngài.

2.Hỏi: Thiên Chúa mạc khải cho ta bằng cách nào?

Thưa: Thiên Chúa dùng lời nói và hành động mà tỏ mình cho ta qua từng giai đoạn trong lịch sử cứu độ.

3.Hỏi: Thiên Chúa mạc khải qua những giai đoạn nào?

Thưa: Thiên Chúa đã mạc khải cho tổ tông loài người, cho các Tổ phụ, các Ngôn sứ và sau cùng Ngài đã mạc khải trọn vẹn nơi Chúa Giêsu Kitô.

4.Hỏi: Vì sao Chúa Giêsu Kitô là mạc khải trọn vẹn?

Thưa: Vì Chúa Giêsu Kitô là Con Thiên Chúa làm người, là Lời duy nhất và hoàn hảo của Chúa Cha.

Bài 3:

CÁCH THỨC LƯU TRUYỀN MẠC KHẢI

(X. SGLC từ 74 đến 95)

“Những gì Thiên Chúa đã Mạc Khải để cứu độ muôn dân. Ngài đã ân cần sắp đặt để luôn được bảo tồn và lưu truyền nguyên vẹn cho mọi thế hệ” (Mk 7).

1. Hỏi: Mạc Khải được lưu truyền như thế nào?

Thưa: Mạc Khải được lưu truyền qua Kinh Thánh và Thánh truyền.

2. Hỏi: Kinh Thánh là gì?

Thưa: Kinh Thánh là sách ghi chép Mạc Khải của Thiên Chúa dưới sự linh hứng của Chúa Thánh Thần.

3. Hỏi: Thánh truyền là gì?

Thưa: Thánh truyền là Mạc Khải của Thiên Chúa mà Chúa Giêsu đã trao phó cho các Tông đồ và các Đáng kế vị để các ngài gìn giữ, trình bày và rao giảng cách trung thực.

4. Hỏi: Huấn quyền là gì?

Thưa: Huấn quyền là quyền của Hội Thánh được Chúa Kitô trao phó để giải thích và áp dụng Lời Chúa.

5. Hỏi: Các tín hữu có dự phần vào việc lưu truyền mạc Khải không?

Thưa: Tất cả các tín hữu đều dự phần vào việc lưu truyền Mạc Khải, vì họ đã nhận được ơn Chúa Thánh Thần dậy dỗ và hướng dẫn.

Bài 4

KINH THÁNH

(x. SGLC từ 0101 đến 0133)

"Tất cả những gì viết trong Sách Thánh đều do Thiên Chúa linh hứng và có ích cho việc giảng dạy, biện bác, sửa dạy, giáo dục để trở nên công chính" (2 Tm 3,16).

1. Hỏi: Ai là tác giả Kinh Thánh?

Thưa: Thiên Chúa là tác giả Kinh Thánh và Ngài đã linh hứng cho một số người để họ viết những gì Người muốn mạc khải.

2. Hỏi: Để hiểu đúng Kinh Thánh, ta phải làm gì?

Thưa: Ta cần khiêm nhường xin Chúa Thánh Thần soi sáng và theo chỉ dẫn của Hội Thánh.

3. Hỏi: Kinh Thánh gồm mấy phần và bao nhiêu cuốn?

Thưa: Kinh Thánh gồm hai phần: Cựu ước có 46 cuốn và Tân ước có 27 cuốn, trong đó bốn sách Tin Mừng là quan trọng nhất.

4. Hỏi: Đâu là trọng tâm của toàn bộ Kinh Thánh?

Thưa: Là Chúa Giêsu Kitô, vì toàn bộ Kinh Thánh qui hướng về Chúa Kitô và được hoàn tất nơi

Người.

5. Hỏi: Hội Thánh tôn kính Kinh Thánh thế nào?

Thưa: Hội Thánh luôn tôn kính Kinh Thánh như tôn kính chính Thân Thể Chúa. Cả hai nuôi dưỡng và chi phối toàn thể đời sống Kitô giáo.

6. Hỏi: Kinh Thánh có cần cho đời sống chúng ta không?

Thưa: Rất cần, vì *"không biết Kinh Thánh là không biết Chúa Kitô"* (Thánh Giê-rô-ni-mô). Bởi thế, ta phải siêng năng đọc, suy gẫm và đem ra thực hành (x. Mt 7,26).

Bài 5

CON NGƯỜI ĐÁP LẠI LỜI THIÊN CHÚA ĐỨC TIN

(x. SGLC từ 0145 đến 0175)

“Đức tin đảm bảo cho những điều ta hy vọng, là bằng chứng cho những điều chúng ta không thấy”. (Dt 11,1)

1. Hỏi: Con người đáp lại mặc khải của Thiên Chúa như thế nào?

Thưa: Con người đáp lại mặc khải của Thiên Chúa bằng thái độ vâng phục của đức tin.

2. Hỏi: Vâng phục của đức tin là gì?

Thưa: Vâng phục của đức tin là gắn bó bản thân với Thiên Chúa, tự nguyện đón nhận tất cả những chân lý mặc khải, đồng thời để Thiên Chúa làm chủ và hướng dẫn đời ta.

3. Hỏi: Có những mẫu gương sáng chói nào về sự vâng phục của đức tin?

Thưa: Có hai mẫu gương sáng chói cho ta noi theo là Tổ phụ

Abraham và Đức Trinh Nữ Maria.

4. Hỏi: Đức tin có những đặc điểm nào?

Thưa: Đức tin vừa là hồng ân siêu nhiên Thiên Chúa ban, vừa là hành vi con người có hiểu biết và tự do.

5. Hỏi: Đức tin có tính cách cá nhân hay cộng đoàn?

Thưa: Đức tin vừa có tính cách cá nhân vừa có tính cách cộng đoàn.

6. Hỏi: Vì sao đức tin có tính cách cá nhân?

Thưa: Vì đức tin là lời đáp trả tự do của mỗi người đối với Thiên Chúa là Đấng mặc khải.

7. Hỏi: Vì sao đức tin có tính cách cộng đoàn?

Thưa: Vì ta đón nhận và sống đức tin nhờ cộng đoàn dân Chúa. Hơn nữa, ta còn có nhiệm vụ thông truyền đức tin cho mọi người.

8. Hỏi: Đức tin có cần thiết không?

Thưa: Đức tin rất cần thiết để được cứu độ, vì chính Chúa Giêsu đã dạy: "Ai tin và chịu Phép Rửa sẽ được cứu độ" (Mc 16,16).

9. Hỏi: Những điều phải tin được tóm lược trong kinh nào?

Thưa: Những điều phải tin được tóm lược trong kinh Tin Kính.

Bài 6

THIÊN CHÚA DUY NHẤT

(x. SGLC từ 200 đến 231)

"Nghe đây, hỡi Israel! Đức Chúa, Thiên Chúa chúng ta là Đức Chúa duy nhất. Hãy yêu mến Đức Chúa, Thiên Chúa của anh em, hết lòng hết dạ, hết sức anh em" (Đnl 6,4-5).

1. Hỏi: Khi tuyên xưng Thiên Chúa duy nhất, ta phải hiểu thế nào?

Thưa: Ta phải hiểu: chỉ có một Thiên Chúa và ngoài Ngài ra, không có Thiên Chúa nào khác, và ta phải thờ phượng một mình Ngài mà thôi (x.Mt 4,10)

2. Hỏi: Thiên Chúa có tỏ cho ta biết tên của Ngài không?

Thưa: Thiên Chúa đã tỏ cho ta biết tên của Ngài là Đấng Hiện Hữu

3. Hỏi: Đấng Hiện Hữu có nghĩa là gì?

Thưa: Nghĩa là Thiên Chúa tự mình mà có, không do ai tạo thành và không có kết thúc. Ngài luôn có mặt bên ta, để chăm sóc và cứu giúp ta.

4. Hỏi: Thiên Chúa có tỏ mình cho ta biết thêm về Ngài nữa không?

Thưa: Thiên Chúa còn tỏ cho ta biết Ngài "*giàu ơn nghĩa và trung tín*" (Xh 34,6). Ngài chính là Sự Thật và Tình Yêu.

5. Hỏi: Niềm tin vào Thiên Chúa duy nhất ảnh hưởng đến đời sống ta thế nào?

Thưa: Niềm tin vào Thiên Chúa duy nhất giúp ta:

- Một là nhận biết sự cao cả và uy quyền của Thiên Chúa để phụng thờ Ngài.
- Hai là sống trong tâm tình cảm tạ.
- Ba là nhận biết phẩm giá đích thực của tất cả mọi người.
- Bốn là sử dụng tốt các thụ tạo.
- Năm là tin tưởng vào Thiên Chúa trong mọi hoàn cảnh.

Bài 7

THIÊN CHÚA LÀ CHA VÀ CON VÀ THÁNH THẦN

(x. SGLC. từ 0232 đến 0260)

"Nguyện xin ân sủng Đức Giêsu Kitô, Chúa chúng ta, tình yêu của Chúa Cha, và ơn thông hiệp của Chúa Thánh Thần ở cùng tất cả anh chị em"
(Lời chào đầu lễ) - (x.2 Cr 13,13).

1. Hỏi: Mầu nhiệm trung tâm của Đức tin Kitô-giáo là mầu nhiệm nào?

Thưa: Là mầu nhiệm Một Chúa Ba Ngôi: Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần.

2. Hỏi: Nhờ đâu ta biết mầu nhiệm Một Chúa Ba Ngôi?

Thưa: Nhờ Chúa Giêsu mạc khải mà ta biết mầu nhiệm Một Chúa Ba Ngôi (x.Mt 28,19).

3. Hỏi: Ta phải hiểu thế nào về mầu nhiệm Một Chúa Ba Ngôi?

Thưa: Ba Ngôi tuy riêng biệt nhưng cùng một bản thể duy nhất và một uy quyền ngang nhau, nên chỉ là một Thiên Chúa duy nhất mà thôi (Kinh tiền tụng lễ Chúa Ba Ngôi).

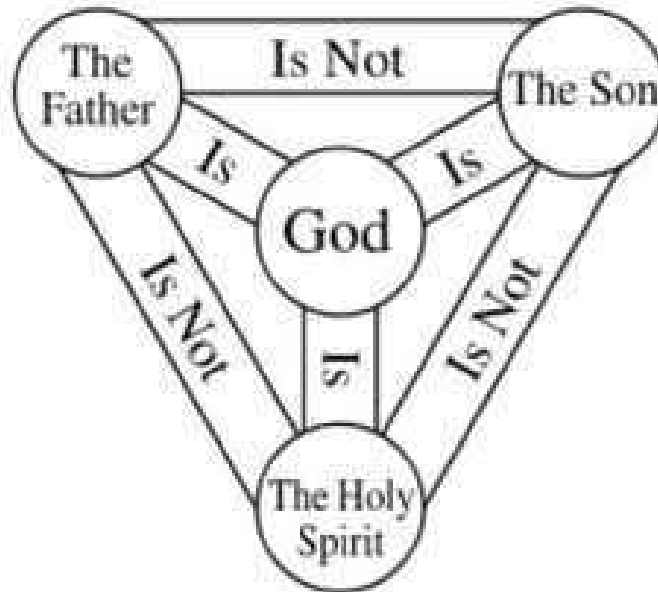
4. Hỏi: Ba Ngôi hoạt động thế nào?

Thưa: Ba Ngôi cùng hoạt động trong mọi công trình, nhưng mỗi Ngôi biểu lộ nét riêng biệt: Chúa

Cha tạo dựng, Chúa Con cứu chuộc và Chúa Thánh Thần thánh hóa.

5. Hỏi: Thiên Chúa tỏ cho ta biết mẫu nhiệm Ba Ngôi để làm gì?

Thưa: Để mời gọi ta thông phần vào chính sự sống của chính Ba Ngôi, và góp phần làm cho gia đình ta cũng như dân tộc và Hội Thánh, thành cộng đoàn hiệp thông theo khuôn mẫu Thiên Chúa Ba Ngôi.



Bài 8

THIÊN CHÚA LÀ ĐÁNG SÁNG TẠO VÀ QUAN PHÒNG

(x.SGLC từ 0268 đến 0314)

*"Lạy Đức Chúa là Chúa chúng con, lấy lòng
thay danh Chúa trên khắp cả địa cầu".*

**1. Hỏi; Trong Kinh Tin Kính, ta tuyên
xưng điều gì về Thiên Chúa sáng tạo?**

Thưa: Ta tuyên xưng Thiên Chúa là Đấng tạo
thành trời và đất, muôn vật hữu hình và vô hình.

**2. Hỏi: Thiên Chúa đã sáng tạo muôn vật
cách nào?**

Thưa: Thiên Chúa đã dùng Lời quyền năng của
Người mà sáng tạo mọi sự từ hư không. Chỉ một
mình Thiên Chúa mới làm được như vậy.

3. Hỏi: Thế giới hữu hình là gì?

Thưa: Là mọi loài thụ tạo mà ta thấy được,
trong đó con người là chóp đỉnh. Tất cả những gì
Thiên Chúa đã sáng tạo đều tốt đẹp và có liên hệ
mật thiết với nhau. (St 1,31).

4. Hỏi: Thụ tạo vô hình là loài nào?

Thưa: Là các thụ tạo thiêng liêng không có thể
xác, gọi là thiên thần. Các ngài được tạo dựng để
phụng sự Thiên Chúa và giúp đỡ loài người.

5. Hỏi: Vì sao Thiên Chúa sáng tạo trời đất muôn vật?

Thưa: Thiên Chúa sáng tạo trời đất muôn vật để biểu lộ và thông ban vinh quang của Người.

6. Hỏi: Thiên Chúa có chăm sóc những loài Chúa đã sáng tạo không?

Thưa: Thiên Chúa vẫn tiếp tục chăm sóc và hướng dẫn mọi loài thụ tạo, để vũ trụ tiến dần đến mức hoàn hảo như Chúa muốn. Đó là sự quan phòng.

7. Hỏi: Ta phải hiểu thế nào về sự dữ ở trần gian này?

Thưa: Niềm tin Kitô-giáo giúp ta hiểu rằng:

- *Một là*, Thiên Chúa không tạo nên sự dữ. Người sáng tạo vạn vật tốt lành nhưng chưa hoàn hảo.

- *Hai là*, con người đã lạm dụng tự do Thiên Chúa ban, nên đã gây đau khổ.

- *Ba là*, Thiên Chúa có thể rút ra sự tốt lành từ chính điều dữ, theo những đường lối mà ta chỉ biết được cách đầy đủ trong cuộc sống đời sau.

8. Hỏi: Thiên Chúa dùng cách đặc biệt nào để làm sáng tỏ mầu nhiệm sự dữ và đau khổ?

Thưa: Thiên Chúa làm sáng tỏ mầu nhiệm sự dữ và đau khổ cách đặc biệt nhờ cuộc khổ nạn và

phục sinh của Chúa Giêsu Kitô.

9. Hỏi: Ta phải có thái độ nào đối với Đấng Sáng Tạo?

Thưa: Ta phải luôn sống tâm tình con thảo, yêu mến, tôn thờ, phó thác vào Người và cùng với mọi người bảo vệ, phát triển thế giới ngày càng tốt đẹp hơn.

Bài 9

THIÊN CHÚA TẠO DỰNG CON NGƯỜI

(x.SGLC từ 0355 đến 0379)

“Thiên Chúa phán: Chúng Ta sẽ làm ra con người theo hình ảnh Chúng Ta”. (St 1, 26)

1. Hỏi: Thiên Chúa tạo dựng con người làm sao?

Thưa: Thiên Chúa tạo dựng con người theo hình ảnh Chúa, có khả năng nhận biết và yêu mến Người.

2. Hỏi : Vì sao con người cao cả hơn mọi loài trên trái đất?

Thưa: Vì con người vừa là vật chất, vừa là tinh thần, nghĩa là có xác và hồn kết hợp thành một con người duy nhất.

3. Hỏi: Vì ý nào Thiên Chúa tạo dựng loài người có nam có nữ?

Thưa: Thiên Chúa tạo dựng loài người có nam có nữ cùng một phẩm giá để họ bổ túc cho nhau, và trong hôn nhân họ được cộng tác với Người để lưu truyền sự sống.

4. Hỏi: Khi tạo dựng, Thiên Chúa đã ban cho con người những đặc ân nào?

Thưa: Thiên Chúa đã ban cho tổ tông loài

người được sống trong ơn nghĩa với Thiên Chúa, không phải đau khổ và không phải chết. Nhưng hạnh phúc ấy đã mất khi Tổ tông phạm tội.

5. Hỏi: Được Thiên Chúa ban cho sự sống và phẩm giá cao quý như vậy, ta phải làm gì?

Thưa: Ta phải biết cảm ơn và yêu mến Thiên Chúa, đồng thời cố gắng làm cho cuộc sống của ta và mọi người ngày càng thêm tươi đẹp, và đầy yêu thương.

Bài 10

CON NGƯỜI SA NGÃ

(x. SGLC từ 385 đến 412)

“Cũng như vì một người duy nhất đã sa ngã mà mọi người bị Thiên Chúa kết án, thì nhờ một người duy nhất đã thực hiện lễ công chính, mọi người cũng được Thiên Chúa làm cho nên công chính, nghĩa là được sống” (Rm 5,18).

1. Hỏi: Các thiên thần và loài người có sống mãi trong tình nghĩa với Thiên Chúa không?

Thưa: Không. Vì một số thiên thần đã từ chối tình thương của Thiên Chúa và đã quyến rũ tổ tông loài người phạm tội chống lại Thiên Chúa.

2. Hỏi: Tổ tông loài người đã phạm tội gì?

Thưa: Tổ tông loài người đã lạm dụng tự do mà không vâng phục Thiên Chúa, từ chối tình yêu và sống đối nghịch với Người. Đó là tội tổ tông.

3. Hỏi: Tội tổ tông đã gây nên những hậu quả nào?

Thưa: Tội tổ tông làm cho loài người mất ơn nghĩa với Thiên Chúa, mất sự hòa hợp với bản thân, với đồng loại và với mọi thụ tạo khác, nhất là vì tội mà con người phải đau khổ và phải chết.

4. Hỏi: Tội tổ tông có truyền lại cho con cháu không?

Thưa: Có. Tội tổ tông đã truyền lại cho loài người một bản tính đã mất đi sự thánh thiện nguyên thủy. Ta gọi là tội tổ tông truyền.

5. Hỏi: Sau khi tổ tông phạm tội, Thiên Chúa có bỏ loài người không?

Thưa: Không. Thiên Chúa chẳng bỏ mà lại hứa ban Đấng Cứu Thế để cứu chuộc loài người.

Bài 11

ĐỨC GIÊSU KITÔ - CON MỘT THIÊN CHÚA

(x. SGLC từ 0422 đến 0451)

"Thầy là Đấng Kitô, Con Thiên Chúa hằng sống"

1. Hỏi: Trong Kinh Tin Kính, ta tuyên xưng điều gì về Chúa Giêsu Kitô?

Thưa: Ta tuyên xưng Chúa Giêsu Kitô là Con Một Thiên Chúa đã xuống thế làm người để cứu chuộc nhân loại.

2. Hỏi: Vì sao Con Thiên Chúa xuống thế làm người được gọi tên là Giêsu?

Thưa: Vì tên gọi ấy nói lên sứ mạng của Người là *"Thiên Chúa Cứu Độ"* (Mt 2, 21).

3. Hỏi: Vì sao Chúa Giêsu còn được gọi là Đấng Ki-tô?

Thưa: Chúa Giêsu được gọi là Đấng Ki-tô vì Thiên Chúa dùng Thánh Thần và quyền năng mà xức dầu tấn phong Người, để Người chu toàn sứ mạng Tư tế, Ngôn sứ và Vương đế (x. Cv 10, 38).

4. Hỏi: Vì sao ta tuyên xưng Chúa Giêsu Ki-tô là Con Thiên Chúa?

Thưa: Vì Chúa Giêsu là Ngôi Con được Chúa

Cha sinh ra từ đời đời. Người là Con Một của Chúa Cha và chính Người cũng là Thiên Chúa.

5. Hỏi: Vì sao ta tuyên xưng Chúa Giê-su Ki-tô là Chúa?

Thưa: Ta tuyên xưng Chúa Giê-su Ki-tô là Chúa vì ta nhận uy quyền tối cao và thần linh của Người.

Bài 12

CON THIÊN CHÚA LÀM NGƯỜI

(x.SGLC từ 0456 đến 0507)

“Ngôi lời đã trở nên người phàm và cư ngụ giữa chúng ta” (Ga 1, 14)

1.Hỏi: Vì sao Con Thiên Chúa xuống thế làm người?

Thưa: Con Thiên Chúa xuống thế làm người vì bốn lẽ này:

- Một là để cứu chuộc ta khỏi tội lỗi,
- Hai là để tỏ cho ta biết tình yêu của Thiên Chúa,
- Ba là để làm mẫu mực cho ta sống thánh thiện,
- Bốn là để ta được kết hợp với Người mà trở nên con cái Thiên Chúa.

2. Hỏi: Vậy Chúa Giêsu Kitô là người hay là Thiên Chúa?

Thưa: Chúa Giêsu vừa là người thật như ta, vừa là Thiên Chúa thật như Chúa Cha. Người vừa có bản tính loài người, vừa có bản tính Thiên Chúa, trong cùng một Ngôi vị duy nhất, là Ngôi Hai Thiên Chúa.

3.Hỏi: Ngôi Hai Thiên Chúa xuống thế làm người như thế nào?

Thưa: Chúa Cha đã dùng quyền năng Chúa Thánh Thần cho Ngôi Hai "*nhập thể trong lòng Trinh Nữ Maria và đã làm người*" (Kinh Tin Kính).

Bài 13

CUỘC SỐNG TRẦN THỂ CỦA ĐỨC GIÊSU

(x. SGLC từ 0512 đến 0560)

"Đây là Chiên Thiên Chúa, đây Đấng xóa bỏ tội trần gian" (Ga 1, 29).

1.Hỏi: Cuộc sống trần thế của Chúa Giêsu đã diễn ra thế nào ?

Thưa: Chúa Giêsu đã sinh ra tại làng Bê-lem, sống ẩn dật tại Na-da-rét, nước Do Thái. Khoảng ba mươi tuổi, Người đi rao giảng Tin mừng Nước Thiên Chúa. Cuối cùng Người chịu chết trên thập giá thời Phong-xi-ô Phi-la-tô, rồi sống lại và lên trời.

2.Hỏi: Cuộc sống trần thế của Chúa Giêsu có mục đích gì ?

Thưa: Trong cuộc sống trần thế, tất cả những gì Chúa Giêsu đã nói, và đã chịu đều có mục đích: mạc khải về Chúa Cha, cứu chuộc loài người và quy tụ muôn loài để tất cả được hiệp thông với Thiên Chúa(x. Ep 1,10).

3.Hỏi: Đời sống ẩn dật của Chúa Giêsu có ý nghĩa gì ?

Thưa: Đời sống ẩn dật của Chúa Giêsu có những

ý nghĩa này:

- Một là nêu gương hiếu thảo, vâng phục cha mẹ,
- Hai là nêu gương nên thánh trong cuộc sống gia đình và lao động thường ngày.

4.Hỏi:Khi bắt đầu cuộc đời công khai, Chúa Giêsu đã làm gì ?

Thưa: Người đã đến sông Gio-đan chịu phép rửa của ông Gio-an để nói lên rằng: Người chấp nhận và khai mạc công trình cứu chuộc của Người. Công trình này sẽ được hoàn thành trong cuộc khổ nạn.

5.Hỏi: Việc Chúa Giêsu chịu ma quỷ cám dỗ và chiến thắng nói lên điều gì ?

Thưa: Chúa Giêsu chịu cám dỗ để cảm thông thân phận yếu đuối của loài người. Người chiến thắng để chứng tỏ lòng trung thành tuyệt đối với Chúa Cha, khác với A-đam đã sa ngã.

6. Hỏi: Khi rao giảng Chúa Giêsu chủ ý rao giảng điều gì ?

Thưa: Khi rao giảng, Chúa Giêsu loan báo: ‘Thời kỳ đã mãn, Nước Thiên Chúa đã đến gần. Anh em hãy sám hối và tin vào Tin Mừng’ (Mc 1,15).

7. Hỏi: Tại sao lời loan báo Nước Thiên Chúa là một Tin Mừng ?

Thưa: Vì mọi người đều được mời gọi gia nhập Nước Thiên Chúa và Nước ấy thuộc về những người nghèo hèn, bé mọn, nghĩa là những ai đón nhận với lòng khiêm hạ.

8. Hỏi: Có những dấu chỉ nào cho ta thấy Nước Thiên Chúa đang đến ?

Thưa: Để chứng tỏ rằng Nước Thiên Chúa đang đến, Chúa Giêsu đã làm nhiều phép lạ và những việc phi thường như: Nước biến thành rượu, hóa bánh ra nhiều, xua trừ ma quỷ, chữa lành bệnh tật, cho kẻ chết sống lại và nhất là chính Người sau khi chết đã sống lại.

9. Hỏi: Khi rao giảng Tin Mừng, Chúa Giêsu đã chọn ai cộng tác với Người không ?

Thưa: Chúa Giêsu đã chọn mười hai người gọi là tông đồ để chia sẻ sứ mệnh của Người và trao cho Phê-rô quyền cai quản Hội thánh

10. Hỏi: Các tông đồ là những vị nào ?

Thưa: Đó là Si-mon mà Người gọi là Phê-rô, rồi đến An-rê, anh của ông, sau đó là Gia-cô-bê, Gio-an, Phi-lip-phê, Ba-tô-lô-mê-ô, Mat-thêu, Tô-ma, Gia-cô-bê con ông An- phê, Si-mon nhiệt thành, Giu-đa con ông Gia-cô-bê và Giu-đa Ít-ca-ri-ốt, kẻ phản bội (x. Lc 6, 14-16).

11. Hỏi: Biến cố hiển dung của Chúa Giê-su có ý nghĩa gì ?

Thưa: Biến cố hiển dung có ý nghĩa này :

- Một là bày tỏ vinh quang thần linh của Chúa Giê-su để củng cố niềm tin các Tông đồ trước cuộc khổ nạn.

- Hai là cho ta nếm trước hạnh phúc ngày Chúa Ki-tô lại đến trong vinh quang.

- Ba là xác định ai muốn bước vào vinh quang phải qua thập giá.

12. Hỏi: Việc Chúa Giêsu lên Giê-ru-sa-lem có ý nghĩa gì ?

Thưa: Việc Chúa Giêsu lên Giê-ru-sa-lem có ý nghĩa này :

- Một là để tự nguyện chịu chết.

- Hai là để tỏ mình là Vua Kitô.

- Ba là cho ta thấy Nước Thiên Chúa sắp hoàn thành khi Người chịu chết và sống lại.

Bài 14

CUỘC KHỔ NẠN CỦA CHÚA GIÊSU

(x. SGLC từ 0571 đến 0628)

"Tội lỗi của chúng ta, chính Người đã mang vào thân thể mà đưa lên cây thập giá, để một khi đã chết đối với tội, chúng ta sống cuộc đời công chính. Vì Người phải mang những vết thương mà anh em đã được chữa lành" (1 Pr 2,24).

1. Hỏi: Vì sao Chúa Giêsu bị chống đối?

Thưa: Vì nhiều người trong giới lãnh đạo Do thái giáo cho rằng Chúa Giêsu chống lại luật Môsê, coi thường Đền thờ Giêrusalem và nhất là phạm thượng, dám coi mình bằng Thiên Chúa.

2. Hỏi: Chúa Giêsu có thái độ nào đối với lễ luật Môsê?

Thưa: Người không hủy bỏ, nhưng đã tuân giữ trọn vẹn và làm cho nên hoàn hảo.

3. Hỏi: Chúa Giêsu có thái độ nào đối với Đền thờ ?

Thưa: Chúa Giêsu rất tôn trọng Đền thờ vì đó là nhà Cha Người là nơi dành riêng để cầu nguyện và gặp gỡ Thiên Chúa. Tuy nhiên người Do thái đã hiểu lầm khi Người nói "Các ông cứ phá Đền thờ này đi, nội trong ba ngày, Ta sẽ xây dựng lại" (Ga 2,19).

Vì "Đền thờ Người muốn nói ở đây là chính Thân thể Người" (Ga 2,19-21).

4. Hỏi: Chúa Giêsu có thái độ nào đối với niềm tin của dân Israel vào Thiên Chúa duy nhất?

Thưa: Chúa Giêsu vẫn tôn trọng niềm tin của dân Israel vào Thiên Chúa duy nhất: nhưng vì Người cũng là Thiên Chúa, nên Người tự xưng mình làm chủ ngày sa-bát, có quyền tha tội. Vì thế, một số người Do thái đã lên án Người là kẻ phạm thượng.

5. Hỏi: Những ai chịu trách nhiệm về cái chết của Chúa Giêsu?

Thưa: Một số người lãnh đạo Do thái đã chủ mưu giết Chúa Giêsu. Nhưng chính chúng ta cũng gây nên cái chết của Người mỗi khi chúng ta phạm tội, như lời Thánh Phaolô nói: "Chúa Giêsu đã chết vì tội lỗi chúng ta" (1Cr 15,3).

6. Hỏi: Vì sao Thiên Chúa lại muốn cho Chúa Giêsu phải chết?

Thưa: Vì yêu thương chúng ta, Thiên Chúa đã "sai Con của Người đến làm của lễ đền tội cho chúng ta" (2Cr 5,19).

7. Hỏi: Chúa Giêsu có thái độ nào đối với chương trình cứu chuộc của Chúa Cha?

Thưa: Chúa Giêsu đã suốt đời tự nguyện vâng

phục Chúa Cha "cho đến nỗi bằng lòng chịu chết và chết trên thập giá" (Pl 2,8)

8. Hỏi: Cuộc khổ nạn của Chúa Giêsu đem lại cho ta điều gì?

Thưa: Nhờ cuộc khổ nạn, Chúa Giêsu đã chu toàn sứ mệnh đền tội và làm cho ta nên công chính.

9. Hỏi: Chúa Giêsu đã chịu chết như thế nào?

Thưa: Chúa Giêsu đã chịu đóng đinh và chết trên thập giá. Xác Người được mai táng trong mộ, còn linh hồn Người thì xuống ngục tổ tông.

10. Hỏi: Chúa Giêsu xuống ngục tổ tông để làm gì?

Thưa: Chúa Giêsu xuống ngục tổ tông để loan báo Tin Mừng cứu độ cho những người công chính đã chết trước khi Người đến.



Bài 15

ĐỨC GIÊSU SỐNG LẠI VÀ LÊN TRỜI

(x. SGLC từ 0638 đến 0664)

"Chúng tôi xin loan báo cho anh em Tin Mừng này: điều Thiên Chúa hứa với cha ông chúng ta, thì Người đã thực hiện cho chúng ta là con cháu các ngài, khi làm cho Đức Giêsu sống lại" (Cv 13,32-33)

1.Hỏi: Sau khi Chúa Giêsu chết và được mai táng trong mộ, điều kỳ diệu gì đã xảy ra?

Thưa: Sau khi chết chưa đủ ba ngày, Chúa Giêsu đã sống lại như Người đã báo trước.

2.Hỏi: Dựa vào đâu mà biết Chúa Giêsu đã sống lại?

Thưa: Dựa vào hai điều này:

-Một là ngôi mộ không còn xác Chúa mà chỉ còn lại những vải liệm xếp ngay ngắn gọn gàng.

-Hai là Chúa Giêsu đã nhiều lần hiện ra với các môn đệ, cùng ăn uống và trò chuyện thân mật với họ.

3.Hỏi: Việc Chúa Giêsu sống lại có phải là sự kiện lịch sử không?

Thưa: Việc Chúa Giêsu sống lại không những là sự kiện lịch sử, mà còn là một biến cố siêu việt vượt trên lịch sử, nên giác quan không thể kiểm

nhận được, vì khi sống lại, thân xác của Người đã được biến đổi thành thân xác vinh hiển thần thiêng

4.Hỏi: Việc Chúa Giêsu sống lại là công trình của ai?

Thưa: Việc Chúa Giêsu sống lại không chỉ là công việc của Người, mà còn là công trình của Ba Ngôi Thiên Chúa.

5.Hỏi: Việc Chúa Giêsu sống lại chứng thực điều gì?

Thưa: Việc Chúa Giêsu sống lại chứng thực điều này:

- Một là Chúa Giêsu chính là con Thiên Chúa và là Thiên Chúa thật
- Hai là những lời hứa trong Kinh Thánh nay đã được thực hiện
- Ba là mọi điều Chúa Giêsu đã nói và đã làm đều chân thật

6.Hỏi: Sự sống lại của Chúa Giêsu có ý nghĩa nào đối với chúng ta?

Thưa: Sự sống lại của Chúa Giêsu có những ý nghĩa này:

- Một là mở lối cho chúng ta bước vào sự sống mới
- Hai là khơi nguồn và bảo đảm sự sống lại sau

này của chúng ta

7. Hỏi: Sau khi sống lại Chúa Giêsu làm gì?

Thưa: Sau khi sống lại, Chúa Giêsu còn hiện ra dạy dỗ, an ủi các môn đệ trong 40 ngày rồi Người lên trời, ngự bên hữu Chúa Cha.

8. Hỏi: Chúa Giêsu lên trời ngự bên hữu Chúa Cha nghĩa là gì?

Thưa: Có hai nghĩa này:

- Một là Người không còn hiện diện hữu hình ở trần gian.
- Hai là Người được Chúa Cha tôn vinh.
- Ba là Người dẫn đường chúng ta vào Nước vinh hiển của Chúa Cha và không ngừng chuyển cầu cho ta.

9. Hỏi: Tin vào Chúa Giêsu phục sinh, ta phải sống thế nào?

Thưa: Ta luôn sống lạc quan tin tưởng, can đảm theo đường lối Chúa, dẫu phải chấp nhận những thiệt thòi, mất mát, vì tin rằng ta sẽ được dự phần vinh quang với người.

Bài 16

ĐỨC GIÊSU SẼ ĐẾN PHÁN XÉT KẺ SỐNG VÀ KẺ CHẾT

(x. SGLC từ 0668 đến 0670)

"Hỡi những người Galilê sao còn đứng nhìn lên trời? Đức Giêsu, Đấng vừa lìa bỏ các ông và được rước lên trời cũng sẽ ngự đến y như các ông đã thấy Người lên trời" (Cv 1,11).

1.Hỏi: Chúa Giêsu còn đến thế gian nữa không?

Thưa: Chúa Giêsu sẽ trở lại trong vinh quang để phán xét kẻ sống và kẻ chết.

2.Hỏi: Phán xét kẻ sống và kẻ chết nghĩa là gì?

Thưa: Nghĩa là Chúa Giêsu vinh hiển sẽ phơi bày mọi tâm tư thâm kín của mỗi người, và thưởng phạt theo việc họ đã làm.

3. Hỏi: Nước Thiên Chúa sẽ hoàn tất thế nào trong ngày Chúa Giêsu trở lại?

Thưa: Vào ngày trở lại, Chúa Giê-su sẽ thực hiện cuộc chiến thắng cuối cùng của sự thiện trên sự ác và qui tụ vạn vật để dâng lên Thiên Chúa Cha (x.1Cr 15,24).

4. Hỏi: Khi nào Chúa Giêsu sẽ trở lại trong vinh quang?

Thưa: Chắc chắn Người sẽ trở lại trong vinh quang, nhưng ta không biết được lúc nào (x.2Tx 2,3-12). Vì vậy, ta được mời gọi luôn sống tỉnh thức đợi chờ.

Bài 17

CHÚA THÁNH THẦN

(x. SGLC từ 0683 đến 0741)

"Thầy sẽ xin Chúa Cha và Ngài sẽ ban cho anh em một Đấng Bảo Trợ khác đến ở với anh em luôn mãi. Đó là Thần Khí sự thật, Đấng mà thế gian không thể đón nhận, vì thế gian không thấy và cũng chẳng biết Ngài" (Ga 14,16).

1.Hỏi: Chúa Thánh Thần là Đấng nào?

Thưa: Chúa Thánh Thần là Ngôi thứ Ba, bởi Chúa Cha và Chúa Con mà ra. Người là Thiên Chúa thật, cùng một bản tính và một quyền năng như hai Ngôi cực trọng ấy.

2.Hỏi: Chúa Thánh Thần còn được gọi bằng những danh xưng nào?

Thưa: Người còn được gọi là "Đấng ban Sự Sống", "Đấng Bào Chữa", "Đấng An Ủi", và "Thần Chân Lý".

3.Hỏi: Kinh Thánh thường dùng những hình ảnh nào để chỉ Chúa Thánh Thần?

Thưa: Kinh Thánh thường dùng các hình ảnh này: Nước, lửa, việc xúc dầu, áng mây, ánh sáng, ấn tín, bàn tay, ngón tay và chim bồ câu.

4.Hỏi: Chúa Thánh Thần có hiện diện trong lịch sử Cựu ước không?

Thưa: Người hiện diện trong mọi thời điểm quan trọng của lịch sử Cựu ước: Khi Thiên Chúa tạo dựng vũ trụ, khi Thiên Chúa hứa ban Đấng Cứu độ, trong các cuộc thần hiện và trong niềm mong đợi Đấng Cứu thế.

5.Hỏi: Chúa Thánh Thần làm gì trong đời sống và hoạt động của Chúa Kitô?

Thưa: Chúa Thánh Thần hằng hướng dẫn đời sống và hoạt động của Chúa Kitô từ khi nhập thể cho đến phục sinh.

6.Hỏi: Chúa Thánh Thần đã được ban cho các môn đệ lúc nào?

Thưa: Chúa Giêsu đã nhiều lần hứa ban Chúa Thánh Thần, rồi chiều ngày Phục sinh và ngày lễ Ngũ tuần, Người đã ban Chúa Thánh Thần cho các môn đệ.

7.Hỏi: Chúa Thánh Thần thánh hóa Hội Thánh thế nào?

Thưa: Chúa Thánh Thần làm cho các tín hữu nên con cái Chúa Cha, và dự phần vào chính sự sống Chúa Kitô. Người còn cho họ nhận biết sự thật, dạy họ cầu nguyện, thúc đẩy họ sống mến

Chúa yêu người, và làm chứng cho Chúa Kitô.

8.Hỏi: Ta phải sống với Chúa Thánh Thần thế nào?

Thưa: Ta phải tin kính, thờ phượng, cầu xin Người soi sáng, cùng tôn trọng hồn xác ta là đền thờ của Người.



Bài 18

HỘI THÁNH TRONG CHƯƠNG TRÌNH CỨU ĐỘ CỦA THIÊN CHÚA

(x. SGLC từ 748 đến 801)

"Người lập Nhóm Mười Hai, để các ông ở với Người và để Người sai các ông đi rao giảng, với quyền trừ quỷ" (Mc 3, 14-15).

1. Hỏi: Hội Thánh là cộng đoàn nào?

Thưa: Hội Thánh là một cộng đoàn những người được Lời Thiên Chúa qui tụ thành Dân Chúa và thành Thân Thể Chúa Kitô.

2. Hỏi: Hội Thánh khởi đầu và kết thúc như thế nào?

Thưa: Hội Thánh được Chúa Cha cứu mang từ đời đời và chuẩn bị trong thời Cựu Ước, được Chúa Giê-su Ki-tô khai sinh nhờ cuộc khổ nạn và phục sinh của Người, rồi được Chúa Thánh Thần tỏ bày trong ngày lễ Ngũ Tuần và sẽ hoàn tất trong vinh quang trên trời.

3. Hỏi: Hội Thánh gồm những yếu tố nào?

Thưa: Hội Thánh gồm 2 yếu tố này:

- Một là yếu tố nhân loại: là một tổ chức hữu hình với cơ cấu phẩm trật

- Hai là yếu tố thần linh: là một cộng đoàn thiêng liêng và là Nhiệm Thể Chúa Kitô.

4. Hỏi: Hội Thánh có vai trò nào trong chương trình cứu độ?

Thưa: Hội Thánh vừa là dấu chỉ, vừa là khí cụ của sự hiệp thông với với Thiên Chúa, và của sự hiệp nhất toàn thể nhân loại (HT số 1).

5. Hỏi: Vì sao gọi Hội Thánh là Dân Thiên Chúa?

Thưa: Hội Thánh được gọi là Dân Thiên Chúa, vì nhờ giao ước mới trong Máu Chúa Kitô, Hội Thánh tiếp tục và hoàn tất những gì Người đã khởi sự nơi dân Do Thái ngày xưa.

6. Hỏi: Ôn gọi của Dân Thiên Chúa là gì?

Thưa: Ôn gọi của Dân Thiên Chúa là tham dự vào chức năng Tư Tế - Ngôn Sứ và Vương Đế của Chúa Kitô, tức là thờ phượng Thiên Chúa, loan báo Tin Mừng và phục vụ mọi người.

7. Hỏi: Vì sao gọi Hội Thánh là Nhiệm thể Chúa Kitô?

Thưa: Vì mọi người trong Hội Thánh đều nhờ Chúa Thánh Thần mà được liên kết với Chúa Kitô và hiệp nhất với nhau như các chi thể hợp thành thân thể và liên kết với đầu.

8. Hỏi: Vì sao gọi Hội Thánh là Hiền thê của Chúa Kitô?

Thưa: Vì Chúa Kitô yêu thương Hội Thánh đến nỗi đổ máu ra thanh tẩy và làm cho Hội Thánh thành người mẹ sinh ra tất cả các con cái Thiên Chúa.

9. Hỏi: Vì sao gọi Hội Thánh là Đèn thờ của Chúa Thánh Thần?

Thưa: Vì Chúa Thánh Thần luôn ở trong Hội Thánh như linh hồn của Nhiệm thể. Người không ngừng xây dựng, thánh hóa và canh tân Hội Thánh bằng các ân sủng của Người.

Bài 19

CÁC ĐẶC TÍNH CỦA HỘI THÁNH

(x. SGLC từ 0811 đến 0865)

"Đức Giêsu nói với Phêrô: Còn Thầy, Thầy bảo cho anh biết: Anh là Phêrô, nghĩa là Tảng Đá, trên Tảng Đá này, Thầy sẽ xây Hội Thánh của Thầy và quyền lực tử thần sẽ không thắng nổi" (Mt 16,18).

1. Hỏi: Hội Thánh Công giáo có những đặc tính nào?

Thưa: Hội Thánh Công giáo có bốn đặc tính này là Duy Nhất, Thánh Thiện, Công Giáo và Tông Truyền.

2. Hỏi: Vì sao ta tuyên xưng Hội Thánh là duy nhất?

Thưa: Vì Chúa Kitô chỉ thiết lập một Hội Thánh và Hội Thánh chỉ có một Chúa, chỉ tuyên xưng một Đức tin, sinh ra từ một Phép Rửa, làm thành một thân thể, được sống nhờ một Thần Khí và hướng về một niềm hy vọng

3. Hỏi: Hội Thánh duy nhất có đa dạng không?

Thưa: Hội Thánh vừa duy nhất vừa đa dạng vì Hội Thánh bao gồm nhiều dân tộc thuộc nhiều nền văn hóa. Trong các thành phần của Hội Thánh cũng có những đặc sủng và những chức vụ khác nhau. Sự đa dạng này làm cho Hội Thánh năng động và phong phú.

4. Hỏi: Vì sao ta tuyên xưng Hội Thánh là thánh thiện?

Thưa: Hội Thánh là thánh thiện vì:

- Một là bắt nguồn từ Thiên Chúa, Đấng Chí Thánh,
- Hai là được Chúa Ki-tô thánh hóa bằng Lời Chúa và các bí tích,
- Ba là được Chúa Thánh Thần làm cho sống động và phát sinh nhiều hoa trái thánh thiện.

5. Hỏi: Tại sao trong Hội Thánh lại có tội nhân?

Thưa: Vì các thành phần của Hội Thánh chưa đạt tới sự thánh thiện trọn vẹn. Họ được mời gọi tự thanh tẩy và phải luôn nỗ lực sám hối, canh tân.

6. Hỏi: Vì sao ta tuyên xưng Hội Thánh là Công Giáo?

Thưa: Hội Thánh là Công giáo vì:

- Một là toàn bộ chân lý đức tin đã được uỷ thác cho Hội Thánh gìn giữ và loan truyền.

- Hai là nhờ sự hiện diện của Chúa Ki-tô, Hội Thánh mang trong mình đầy đủ các phương tiện cứu độ.

- Ba là Hội Thánh được sai đến với mọi dân tộc thuộc mọi thời đại.

7. Hỏi: Những ai thuộc về Hội Thánh Công giáo?

Thưa: Trước hết là các tín hữu công giáo.

- Thứ đến là những người tin vào Chúa Kitô.

- Sau cùng là tất cả mọi người được Thiên Chúa an bài để thuộc về dân của Người.

8. Hỏi: Vì sao Hội Thánh có sứ mạng truyền giáo?

Thưa: Vì:

- Một là Thiên Chúa muốn cho mọi người được cứu độ,

- Hai là Hội Thánh có bốn phận đem chân lý được Chúa trao phó đến cho mọi người.

- Ba là chính Chúa Ki-tô, trước khi về trời đã sai các tông đồ đi rao giảng Tin Mừng cho muôn dân.

9. Hỏi: Vì sao ta tuyên xưng Hội Thánh là Tông truyền?

Thưa: Hội Thánh là Tông truyền vì:

- Một là Hội Thánh được xây trên nền tảng các Tông đồ.

- Hai là Hội Thánh gìn giữ và lưu truyền giáo huấn của các Tông đồ.

- Ba là Hội Thánh vẫn tiếp tục được giáo huấn, thánh hóa và hướng dẫn bởi các Giám mục, cho đến ngày Chúa Kitô lại đến.

10. Hỏi: Chúng ta tiếp nối truyền thống các Tông đồ cách nào?

Thưa: Chúng ta tiếp nối truyền thống các Tông đồ bằng hai cách:

- Một là hiệp nhất với Đức Giáo Hoàng, với các Giám Mục là những Đấng kế vị các Tông đồ.

- Hai là tích cực góp phần vào việc loan báo Tin Mừng.



Bài 20

TỔ CHỨC HỘI THÁNH

(SGLCG từ 0871 đến 0933)

"Để chấn dặt và phát triển dân Thiên Chúa luôn mãi. Chúa Kitô đã thiết lập các chức vụ khác nhau trong Hội Thánh, hầu mưu ích cho toàn thân. Thực vậy, các thừa tác viên sử dụng quyền bính thiêng liêng mà phục vụ anh em mình" (GH 18).

1. Hỏi: Tín hữu Công giáo là những ai?

Thưa: Đó là những người tin vào Chúa Kitô, đã lãnh nhận Bí tích Rửa tội và hiệp thông với Đức Giáo Hoàng. Mọi tín hữu đều bình đẳng thật sự về phẩm giá và về hoạt động. Do đó, mọi người phải hợp tác xây dựng Nhiệm Thể Chúa Ki-tô tùy theo cuộc sống và chức năng của mình.

2. Hỏi: Hội Thánh Công giáo có những thành phần nào?

Thưa: Hội Thánh Công giáo gồm có Giáo sĩ, Tu sĩ và Giáo dân.

3. Hỏi: Hàng Giáo sĩ gồm những ai?

Thưa: Hàng Giáo sĩ gồm có Đức Giáo Hoàng, các Giám mục, các Linh mục và Phó tế.

4. Hỏi: Đức Giáo Hoàng là ai?

Thưa: Đức Giáo Hoàng là Đấng kế vị Thánh Phêrô, làm Giám mục Rôma, là Thủ lãnh Giám mục đoàn, đại diện Chúa Ki-tô và Chủ chăn của Hội Thánh toàn cầu.

5. Hỏi: Các Giám mục là ai?

Thưa: Các Giám mục là những Đấng kế vị các Tông đồ, để qui tụ, cai quản Hội Thánh địa phương và cùng với Đức Giáo Hoàng phục vụ Hội Thánh toàn cầu.

6. Hỏi: Các Linh mục là ai?

Thưa: Các Linh mục là những người tham dự vào chức Tư Tế thừa tác của Giám Mục và chia sẻ sứ mệnh với Người.

7. Hỏi: Các Phó tế là ai?

Thưa: Các Phó tế là những Thừa tác viên được truyền chức thánh để lo các công tác phục vụ trong Hội Thánh.

8. Hỏi: Các Tu sĩ là ai?

Thưa: Là những Kitô-hữu muốn bước theo Chúa Giê-su cách triệt để, nên tự nguyện khấn khiết tịnh, nghèo khó và vâng phục, theo những hình thức đã được Hội Thánh phê chuẩn.

9. Hỏi: Đời sống tu trì nhắc ta điều gì?

Thưa: Đời sống tu trì nhắc ta nhớ rằng: đó là dấu chỉ tình yêu trọn vẹn của Hội Thánh dành cho Chúa Ki-tô và cũng là dấu chỉ đời sống mai sau trên thiên quốc.

10. Hỏi: Giáo dân là ai?

Thưa: Giáo dân là các tín hữu không có chức thánh và không ở trong bậc tu trì. Nhờ phép Rửa Tội họ được dự phần theo cách của họ vào chức Tư tế, Ngôn sứ và Vương đế của Chúa Ki-tô.

11. Hỏi: Sứ mệnh riêng của người giáo dân là gì?

Thưa: Sứ mệnh riêng của người giáo dân là tìm kiếm Nước Thiên Chúa và làm việc tông đồ giữa trần gian trong những công việc thể tục.

Bài 21

LƯỢC SỬ HỘI THÁNH CÔNG GIÁO TẠI VIỆT NAM

“Sống theo sự thật và trong tình bác ái, chúng ta sẽ lớn lên về mọi phương diện, vươn tới Đức Kitô vì Người là Đầu” (Ep 4, 15).

1. Hỏi: Tin Mừng đã đến Việt Nam từ khi nào?

Thưa: Vào thế kỷ 16 (1533), có một thừa sai tên là Inikhu đã đến Việt Nam, giảng đạo tại làng Ninh Cường và làng Trà Lũ thuộc tỉnh Nam Định ngày nay.

2. Hỏi: Người tín hữu Việt Nam đầu tiên là ai?

Thưa: Là cụ Đỗ Hưng Viễn, người làng Bồng Trung tỉnh Thanh Hóa, cụ được rửa tội tại Ma-cao thời vua Lê Anh Tôn.

3. Hỏi: Nhóm tín hữu đầu tiên đã giúp gì trong việc rao giảng Tin Mừng?

Thưa: Nhóm tín hữu đầu tiên đã giúp các thừa sai học ngôn ngữ, phong tục Việt Nam và giảng đạo bằng tiếng Việt Nam

4. Hỏi: Các thầy giảng đã đóng vai trò nào trong việc truyền giáo?

Thưa: Các thầy giảng đã hỗ trợ các thừa sai rất đắc lực trong việc giảng dạy giáo lý, điều hành và

duy trì các cộng đoàn dân Chúa.

5. Hỏi: Những chứng nhân đức tin đầu tiên người Việt Nam là ai?

Thưa: Tại miền Bắc (Đàng Ngoài) có anh Phanxicô, chết năm 1630 vì làm công việc bác ái nên bị tra tấn và bị giết.

Tại miền Nam (Đàng Trong) có thầy Anrê Phú Yên bị bắt tại nhà Linh mục Đắc Lộ và bị chém đầu năm 1644.

6. Hỏi: Các nhà truyền giáo tại Việt Nam đã sống như thế nào?

Thưa: Các ngài đã hy sinh, chấp nhận một nếp sống cực khổ, thiếu thốn tiện nghi, chịu đựng sự bắt bớ, bị ngược đãi và hiểu lầm.

7. Hỏi: Các tập thể nào đã đóng góp công sức nhiều nhất cho Hội Thánh Việt Nam?

Thưa: Các tập thể đóng góp công sức nhiều nhất cho Việt Nam phải kể đến Hội Thừa Sai Pa-ri, Dòng Tên, Dòng Đa-minh, Dòng Phanxicô.

8. Hỏi: Ngoài vai trò của các thừa sai, việc phát triển của Hội Thánh Việt Nam còn nhờ vào ai nữa?

Thưa: Còn nhờ vào chính những người Việt Nam thiện chí đã dâng hiến trọn cuộc sống cho

Nước Trời, đem Tin Mừng đến khắp nơi và nuôi dưỡng đời sống đức tin cho các anh em mình, đó là những linh mục và tu sĩ Việt Nam.

9. Hỏi: Những linh mục đầu tiên người Việt Nam là ai?

Thưa: Là các Linh mục: Giu-se Trang và Lu-ca Bền (Đàng trong) và Linh mục Bê-nê-đich-tô Hiên, Gio-an Huệ (Đàng ngoài) đã được Đức Giám mục Lam-be đờ La Mốt đặt tay truyền chức tại Thái Lan.

10. Hỏi: Hội Thánh Việt Nam bắt đầu có giáo phận từ khi nào?

Thưa: Vào ngày 9/9/1659, Tòa Thánh đã thiết lập hai Giáo Phận đầu tiên trên đất Việt Nam và đặt hai Giám quản Tông Tòa: miền Nam (Đàng Trong) với Đức Giám mục Lam-be đờ La Mốt và miền Bắc (Đàng Ngoài) với Đức Giám mục Phanxicô Pa-lu.

11. Hỏi: Công đồng đầu tiên của Hội Thánh Việt Nam được tổ chức tại đâu?

Thưa: Công đồng đầu tiên của Hội Thánh Việt Nam được tổ chức tại Phố Hiến vào tháng 2/1670 dưới quyền chủ tọa của Đức Giám mục Lam-be đờ La Mốt.

12. Hỏi: Nội dung của Công đồng gồm những gì?

Thưa: Công đồng đã đưa ra một chương trình hoạt động: chia giáo xứ, chọn Thánh Giuse làm Bỏ mạng và ấn định việc đào tạo Chứng sinh qua tổ chức nhà Đức Chúa Trời.

13. Hỏi: Đức tin Ki-tô giáo có được dễ dàng đón nhận và phát triển tốt đẹp tại Việt Nam không?

Thưa: Đức tin Ki-tô giáo được tín hữu Việt Nam mau mắn đón nhận: nhưng để sống và giữ đức tin ấy, họ đã phải trải qua rất nhiều thử thách và gian nan vì những sắc chỉ cấm đạo của các vua quan.

14. Hỏi: Các Kitô hữu Việt Nam đã sống đức tin thế nào?

Thưa: Các Kitô hữu Việt Nam đã rất mực kiên cường giữ vững đức tin. Vì thế, nhiều người đã phải đổ máu đào để minh chứng cho đức tin này.

15. Hỏi: Cho đến nay Hội Thánh Việt Nam đã có bao nhiêu Thánh Tử Đạo?

Thưa: Trong số hàng trăm ngàn người đổ máu đào minh chứng cho Đức tin, đã có 117 vị được Đức Thánh Cha Gio-an Phao-lô II suy tôn lên bậc Hiển Thánh ngày 19/ 06/ 1988.

16. Hỏi: Đức Giám mục tiên khởi người Việt Nam là ai?

Thưa: Vào năm 1933, Hội Thánh Việt Nam có Giám mục tiên khởi là Đức Cha Gioan Baotixita Nguyễn Bá Tòng.

17. Hỏi: Hàng Giám mục Việt Nam được thiết lập năm nào?

Thưa: Ngày 24/11/1960, Đức Giáo Hoàng Gioan XXIII đã thiết lập Hàng Giáo Phẩm Việt Nam, đánh dấu sự trưởng thành của Hội Thánh Việt Nam sau bốn thế kỷ đón nhận Tin Mừng.

18. Hỏi: Hiện nay Hội Thánh Việt Nam có bao nhiêu Giáo phận?

Thưa: Hiện nay Hội Thánh Việt Nam có 25 Giáo phận, được chia trong ba Giáo Tỉnh là: Hà Nội, Huế và Sài Gòn.

19. Hỏi: Năm 1980 Hội Thánh Việt Nam có sự kiện nào đáng ghi nhớ?

Thưa: Trong bối cảnh đất nước thống nhất, Hội Thánh nam bắc được sum họp một nhà, đại hội các Giám mục toàn quốc đã nhóm họp và khẳng định một đường hướng chung là "Sống Phúc Âm trong lòng dân tộc Việt Nam để phục vụ hạnh phúc của đồng bào".

20. Hỏi: Người tín hữu Việt Nam ngày nay sống đức tin giữa lòng dân tộc như thế nào?

Thưa: Người tín hữu Việt Nam phải hết lòng cảm tạ Thiên Chúa, cố gắng sống tinh thần Phúc Âm: yêu thương mọi người, xây dựng xã hội ngày càng tốt đẹp hơn và làm chứng cho Chúa ngay trên chính quê hương mình.

Bài 22

HIỆP THÔNG GIỮA CÁC THÁNH

(x. SGLC từ 0946 đến 0962)

"Các tín hữu chuyên cần nghe các tông đồ giảng dạy, luôn luôn hiệp thông với nhau, siêng năng tham dự lễ bẻ bánh, và cầu nguyện không ngừng" (Cv 2,42).

1. Hỏi: Trong Hội Thánh, các tín hữu có hiệp thông với nhau không?

Thưa: Có, vì tất cả các tín hữu hợp thành một thân thể duy nhất mà Chúa Kitô là Đầu. Sự thánh thiện của Đầu được thông ban cho các chi thể và sự tốt lành của người này ảnh hưởng đến người kia.

2. Hỏi: Các tín hữu hiệp thông với nhau thế nào?

Thưa: Các tín hữu còn sống trên trần gian, các linh hồn trong luyện ngục và các thánh trên trời chia sẻ cho nhau những ơn ích thiêng liêng.

3. Hỏi: Các tín hữu còn ở trần gian hiệp thông với nhau thế nào?

Thưa: Họ cùng hiệp thông trong đức tin, đức ái, kinh nguyện, các Bí tích và các đoàn sủng; đồng thời cũng chia sẻ cả của cải vật chất với nhau trong tinh thần liên đới và tương trợ.

4. Hỏi: Chúng ta hiệp thông với các Thánh trên trời thế nào?

Thưa: Chúng ta noi gương đời sống thánh thiện của các Thánh và xin các ngài phù giúp; còn các Thánh thì chuyển cầu cùng Chúa cho chúng ta.

5. Hỏi: Chúng ta hiệp thông với các linh hồn trong luyện ngục thế nào?

Thưa: Chúng ta dâng việc lành phúc đức cầu nguyện cho các linh hồn ấy sớm được giải thoát và chính chúng ta cũng được hưởng nhờ lời chuyển cầu của các ngài.

Bài 23

ĐỨC MARIA MẸ HỘI THÁNH

(x. SGLC từ 0963 đến 0972)

“ Tất cả các ông đều đồng tâm nhất trí, chuyên cần cầu nguyện cùng với mấy người phụ nữ, với bà Maria thân mẫu Đức Giê-su, và với anh em của Đức Giê-su ” (Cv 1, 14)

1. Hỏi: Thiên Chúa đã ban cho Đức Maria những đặc ân nào?

Thưa: Thiên Chúa đã ban cho Đức Maria những đặc ân này:

- Một là ơn Vô Nhiễm Nguyên Tội.
- Hai là ơn làm Mẹ Thiên Chúa.
- Ba là ơn Đồng Trinh trọn đời.
- Bốn là ơn Hồn Xác lên Trời

2. Hỏi: Đức Maria đã cộng tác thế nào trong công trình cứu độ?

Thưa: "Đức Maria đã cộng tác cách rất đặc biệt vào công trình của Đấng Cứu thế nhờ lòng vâng phục, nhờ đức tin, đức cậy và đức ái nồng nhiệt để tái lập sự sống siêu nhiên cho các linh hồn" (HT.61).

3. Hỏi: Đức Maria có vị trí nào trong Hội Thánh?

Thưa: Đức Maria là chi thể trời vượt và là gương mẫu sáng ngời của Hội Thánh, vì Người đã là Mẹ của Đầu là Chúa Kitô thì cũng là Mẹ của toàn thân là Hội Thánh.

4. Hỏi: Chúng ta phải tôn kính Đức Trinh Nữ Maria thế nào?

Thưa: Chúng ta phải đặc biệt tôn kính, mến yêu, cầu xin và trông cậy Đức Mẹ, nhất là chúng ta bắt chước các nhân đức của Mẹ, đi theo con đường Mẹ đã đi để được đến nơi Mẹ đã đến.

5. Hỏi: Khi nhìn lên Mẹ Maria, chúng ta thấy được hình ảnh nào về Hội Thánh?

Thưa: Khi nhìn lên Mẹ, chúng ta thấy hình ảnh mẫu nhiệm của Hội Thánh trong cuộc lữ hành trần gian và trong vinh quang Nước Trời.

Bài 24

ƠN THA TỘI

(x. SGLC từ 0976 đến 0983)

"Người thổi hơi vào các ông và bảo: Anh em hãy nhận lấy Thánh Thần. Anh em tha tội cho ai, thì người ấy được tha; anh em cầm giữ ai, thì người ấy bị cầm giữ" (Ga 20,22-23).

1. Hỏi: Chúa Giêsu ban cho Hội Thánh quyền tha tội khi nào?

Thưa: Sau khi sống lại, Chúa Giê-su hiện ra thổi hơi trên các Tông đồ và ban cho các ngài quyền tha tội; *"Anh em hãy nhận lấy Thánh Thần. Anh em tha tội cho ai, thì người ấy được tha"* (Ga 20,22).

2. Hỏi: Chúng ta lãnh nhận ơn tha tội bằng cách nào?

Thưa: Mọi người có thể lãnh nhận ơn tha tội trước hết nhờ Bí tích Rửa tội là Bí tích kết hợp họ với Chúa Ki-tô khổ nạn và Phục sinh. Sau đó, người tín hữu còn được tha các tội riêng nhờ Bí tích Hòa giải.

3. Hỏi: Quyền tha tội của Hội Thánh nhắc ta nhớ điều gì?

Thưa: Nhắc ta nhớ Thiên Chúa giàu lòng thương xót đã ban cho những phương thế thích hợp để ta được ơn tha tội. Vì thế, ta luôn vững tin đến với lòng thương xót ấy.

Bài 25

ƠN PHỤC SINH VÀ ĐỜI SỐNG VĨNH CỬU

(x. SGLC từ 0992 đến 1065)

"Đấng làm cho Đức Giêsu sống lại... cũng sẽ làm cho thân xác của anh em được sự sống mới"
(Rm 3,11).

1. Hỏi: Khi tuyên xưng: "Tôi tin xác loài người ngày sau sống lại", ta phải hiểu thế nào?

Thưa: Ta phải hiểu là thân xác con người sau khi chết sẽ hư nát, nhưng Thiên Chúa sẽ cho thân xác ấy được sống lại trong ngày tận thế.

2. Hỏi: Tại sao chúng ta tin xác loài người sống lại?

Thưa: Vì chúng ta tin vào Thiên Chúa là Chúa kẻ sống, tin vào Chúa Kitô đã sống lại từ cõi chết và tin vào lời Người hứa ban sự sống lại cho những ai thuộc về Người.

3. Hỏi: Theo Kitô-giáo, sự chết có ý nghĩa gì?

Thưa: Theo Kitô-giáo, chết là kết thúc cuộc sống trần gian, là hậu quả của tội lỗi và là một biến đổi đi vào cuộc sống mới.

4. Hỏi: Khi chết, con người sẽ ra sao?

Thưa: Khi ấy linh hồn đến trước Tòa Chúa Kitô để chịu phán xét riêng về quãng đời đã sống trên trần gian. Sau đó linh hồn lên thiên đàng hoặc vào hỏa ngục hay chịu thanh tẩy trong luyện ngục.

5. Hỏi: Thiên đàng là gì?

Thưa: Là tình trạng hạnh phúc tràn đầy và vĩnh viễn, vì được hiệp thông trọn vẹn với Thiên Chúa Ba Ngôi và cộng đoàn các thánh.

6. Hỏi: Hỏa ngục là gì?

Thưa: Là tình trạng đau khổ cùng cực vì phải vĩnh viễn xa cách Thiên Chúa là nguồn sự sống và hạnh phúc. Đó là hình phạt muôn đời dành cho ma quỷ và cho những ai dứt khoát từ chối Thiên Chúa và từ chối anh em.

7. Hỏi: Luyện ngục là gì?

Thưa: Là tình trạng thanh tẩy dành cho những người chết trong ơn nghĩa Chúa, nhưng chưa đạt tới sự thánh thiện cần thiết để được hạnh phúc thiên đàng.

8. Hỏi: Có phán xét chung nữa không?

Thưa: Sẽ có phán xét chung vào ngày Chúa Ki-tô trở lại trong vinh quang. Lúc ấy, tất cả mọi

người sẽ trình diện trước tòa Chúa Ki-tô để trả lễ về các hành vi của mình.

9. Hỏi: Vũ trụ này sẽ ra sao?

Thưa: Vào ngày sau hết, vũ trụ hữu hình này sẽ được biến đổi và thông phần vào vinh quang của Chúa Ki-tô làm nên "Trời mới Đất mới".

10. Hỏi: Niềm tin "Trời mới Đất mới" có ảnh hưởng gì trong cuộc sống của chúng ta?

Thưa: Niềm tin đó giúp ta nhận ra rằng bộ mặt thế giới này sẽ qua đi. Nhưng sự chờ mong một "Trời mới đất mới" không làm giảm sút, trái lại càng thôi thúc chúng ta quan tâm vun trồng trái đất, và góp phần xây dựng xã hội loài người ngày một tốt hơn.

11. Hỏi: Kinh Tin Kính kết thúc bằng "A-MEN" nghĩa là gì?

Thưa: Nghĩa là tôi tin những lời Thiên Chúa dạy, những điều Thiên Chúa hứa và tôi hoàn toàn phó thác nơi Người.



HIỂU VÀ SỐNG ĐỨC TIN QUA TỰ SẮC PORTA FIDEI (CÁNH CỬA ĐỨC TIN)

Của Đức Thánh Cha Bênêdictô XVI

1. Hỏi: Vì ý nào, Đức Giáo Hoàng dùng hình ảnh “Cánh cửa đức tin” để mở đầu tự sắc công bố Năm đức tin?

Thưa: Đức Giáo Hoàng dùng hình ảnh “Cánh cửa đức tin”, để nhắc nhở ta: đức tin chính là cánh cửa luôn mở rộng. Mọi tín hữu cần bước qua ngưỡng cửa đó, để được dẫn vào đời sống hiệp thông với Thiên Chúa và vào trong Giáo Hội.

2. Hỏi: Ta có thể bước qua ngưỡng cửa đức tin khi nào (Tự sắc 1;3)?

Thưa: Ta có thể bước qua ngưỡng cửa đức tin, khi Lời Chúa được loan báo, và khi ta để cho tâm hồn được ơn thánh biến đổi.

3. Hỏi: Để “Lời Chúa được loan báo và để cho tâm hồn được ơn thánh biến đổi”, ta cần làm gì?

Thưa: Để Lời Chúa được loan báo, và tâm hồn được ơn thánh biến đổi, ta cần “tìm lại sở thích nuôi dưỡng mình bằng Lời Chúa và bằng Bánh Sự Sống”.

4.Hỏi: Vì mục đích nào, Đức Giáo Hoàng đã công bố Năm Đức Tin (2;3)?

Thưa: Đức Giáo Hoàng đã muốn công bố Năm Đức tin:

a) Để suy tư và khám phá lại cuộc hành trình đức tin, với niềm vui, nền tảng, sự vẹn toàn và rạng ngời của đức tin

b) Để ngày càng làm nổi bật niềm vui và lòng hăng say phấn khởi được đổi mới, nhờ được gặp gỡ Chúa Giê-su.

c) Để củng cố đức tin các tín hữu

d) Để trình bày, đào sâu Công Đồng Vatican II và sách Giáo Lý Hội Thánh

Công giáo cách mới mẻ, hợp thời, hầu thực hiện cuộc canh tân Giáo hội.

5.Hỏi: Tại sao phải suy tư và khám phá lại đức tin (4)?

Thưa: Phải suy tư và khám phá lại đức tin:

a) Để ý thức lại chính xác đức tin của ta, cho đức tin được thanh tẩy, sinh động lại, hầu ta có thể mạnh dạn tuyên xưng đức tin.

b) Để đức tin cá nhân cũng như tập thể được củng cố, tự do và ý thức hơn, trong nội tâm cũng như bên ngoài, cách khiêm tốn và chân thành.

6.Hỏi: Đâu là nền tảng đức tin Ki-tô giáo (1)?

Thưa: Nền tảng đức tin Ki-tô giáo là tin nơi Chúa Ba Ngôi, Thiên Chúa duy nhất là Tình Yêu.

7.Hỏi: Chúa Ba Ngôi đã yêu thương ta thế nào?

Thưa: Chúa Ba Ngôi đã yêu thương ta thế này:

- a) Chúa Cha gửi con mình đến cứu độ chúng ta.
- b) Chúa Con là Giê-su Ki-tô cứu chuộc trần thế, trong mầu nhiệm chết và Phục sinh của Người.
- c) Chúa Thánh Thần dẫn đưa Giáo hội qua dòng thời gian, đang khi chờ đợi Chúa “trở lại vinh quang”

8.Hỏi: Vì sao Giáo hội phải luôn canh tân?

Thưa: Giáo Hội vừa thánh thiện, vừa phải luôn thanh tẩy, sám hối và canh tân, vì tuy có Chúa Ki-tô, Đấng thánh vô tội là Đầu, nhưng trong cộng đoàn Giáo Hội vẫn có cả những tội nhân.

9.Hỏi: Việc canh tân Giáo hội tiến hành cách nào?

Thưa: Việc canh tân Giáo Hội cũng tiến hành qua chứng tá về Lời Chân lý của Chúa Giêsu, trong cuộc sống giữa trần thế của các tín hữu.

10. Hỏi: Để canh tân đời sống, mỗi tín hữu cần làm gì (6)?

Thưa: Để canh tân đời sống, mỗi tín hữu cần:

a) Luôn trở về cùng Chúa cách chân thực và mới mẻ.

b) Luôn bước đi trong “sự sống mới”

c) Để cho đức tin “ hành động nhờ đức mến”

11. Hỏi: Bước đi trong “sự sống mới” nghĩa là làm sao?

Thưa: Bước đi trong “sự sống mới” nghĩa là: sẵn lòng để cho các tư tưởng, tình cảm, tâm thức và thái độ con người của ta dần dần được thanh tẩy và biến đổi.

12. Hỏi: Tiêu chuẩn mới để hiểu biết và hành động trong đời sống đức tin là gì?

Thưa: Tiêu chuẩn mới để hiểu biết và hành động trong đời sống đức tin, làm thay đổi toàn bộ đời sống con người, đó là: “Đức tin hành động nhờ đức mến”.

13. Hỏi: Để đức tin được tăng trưởng, vững mạnh, cần thiết nhất ta phải làm gì (7)?

Thưa: Để đức tin được tăng trưởng, vững mạnh, cần thiết nhất ta phải liên tục tin tưởng, phó thác trong tay Thiên Chúa Tình Yêu

14. Hỏi: Năm đức tin nhằm mục đích nào đối với việc truyền giáo (3;7)?

Thưa: Đối với việc truyền giáo, Năm Đức tin là để các Ki-tô hữu:

a) Ý thức hơn nữa sứ mạng nên “muối mặn và ánh sáng trần gian”, hầu “tạo cơ hội cho nhiều người đang khao khát khám phá Thiên Chúa, lắng nghe và tin nơi Chúa Giêsu”, con đường đạt tới ơn cứu độ vĩnh viễn.

b) Tái khám phá niềm vui đức tin, niềm hăng say thông truyền đức tin, hầu dẫn thân xác tín hơn nữa, trong cuộc tái truyền giảng Tin Mừng bằng Tân Phúc Âm hóa.

15. Hỏi: Tân Phúc Âm hóa là gì?

Thưa: Tân Phúc Âm hóa là việc canh tân hoạt động rao giảng Tin Mừng, để công hiến Tin Mừng cách mới mẻ, cho những người không biết Tin Mừng, hoặc đã rời xa Hội Thánh.

16. Hỏi: Vì sao Giáo hội phải Tân Phúc Âm hóa?

Thưa: Giáo hội phải Tân Phúc Âm hóa vì:

a) Giáo hội cần nhìn lại mình: Để xác định rõ bản chất và lý do hiện hữu của mình; để canh tân, hầu có thể rao giảng Tin Mừng hiệu quả hơn.

b) Đó là công cụ thích hợp, đúng lúc để đức tin tiếp tục sinh động, trước những thách thức của một thế giới đang biến chuyển quá mau lẹ

17. Hỏi: Đức tin và khoa học có xung đột không (12)?

Thưa: “ Giáo Hội không bao giờ sợ chứng minh rằng: đức tin và khoa học chân chính không hề xung đột nhau, vì cả hai đều hướng về sự thật, tuy là bằng những con đường khác nhau”.

18. Hỏi: Vì sao cần khám phá lại sự vẹn toàn của đức tin (2;8;12)?

Thưa: Cần khám phá lại sự vẹn toàn của đức tin:

a) Vì ngày nay, trong phần lớn các lãnh vực xã hội, các giá trị đức tin không còn được chấp nhận.

b) Vì đức tin nơi nhiều tín hữu đang bị khủng hoảng sâu xa, trước hàng loạt những vấn nạn, do trào lưu tục hóa, duy lý trí, khoa học và kỹ thuật; do những biến động sâu xa của thời đại

19. Hỏi: Đây là những nét nổi bật trong đời sống đức tin của tín hữu Việt Nam?

Thưa: “ Phần đông tín hữu Việt Nam vẫn trung thành giữ lễ Chúa nhật, và cả ngày thường. Đa số giao đình công giáo vẫn là nơi nuôi dưỡng, thông truyền đức tin cho con cái”.

20. Hỏi: Đâu là những thiếu sót trong đời sống đức tin của tín hữu Việt Nam?

Thưa: Những thiếu sót trong đời sống đức tin của một số tín hữu Việt Nam là:

a) Còn giữ đạo theo tập tục và thói quen thiếu xác tín cá nhân.

b) Sống đức tin thiên về tình cảm, về một số thực hành nghi lễ và luân lý.

c) Bị ảnh hưởng lối sống vật chất, hưởng thụ. Nhiều người trẻ bị lung lạc đức tin. Nhiều đôi vợ chồng trẻ không còn ý thức trách nhiệm thông truyền đức tin cho con cái.

21. Hỏi: Vì sao gọi là “Cuộc hành trình đức tin” (1-2)?

Thưa: Gọi là “cuộc hành trình đức tin”, vì sống đức tin chính là “cuộc lên đường” của toàn thể Giáo hội; và mỗi tín hữu đều phải dẫn thân vào một cuộc hành trình suốt đời.

22. Hỏi: “Cuộc hành trình đức tin” tiến bước thế nào?

Thưa: Cuộc hành trình đức tin bắt đầu với Phép Rửa, để được gọi Thiên Chúa là Cha; và kết thúc khi vượt qua cái chết, tiến vào đời sống sung mãn

do Chúa Phục sinh thông ban, cho ta nên “bạn hữu” của Người.

23. Hỏi: Đâu là sự rạng ngời của đức tin (I)?

Thưa: Đức tin rạng ngời, vì Đức tin chính là “Cánh cửa” dẫn ta vào hiệp thông với Thiên Chúa, cho ta được tham dự vinh quang rạng ngời của Chúa Ki-tô, nhờ hồng ân Chúa Thánh Thần.

24. Hỏi: Việc dẫn thân truyền giáo kín mức sức mạnh và năng lực nơi đâu (7)?

Thưa: Việc dẫn thân truyền giáo kín mức sức mạnh và năng lực trong sự khám phá, cảm nghiệm Tình Yêu của Chúa hằng ngày. Chính “Tình yêu Chúa Ki-tô thúc bách” 13b, sai chúng ta lên đường công bố Tin Mừng.

25. Hỏi: Vì sao để dẫn thân truyền giáo, cần khám phá và cảm nghiệm Tình Yêu của Chúa hằng ngày?

Thưa: Để dẫn thân truyền giáo, cần khám phá và cảm nghiệm Tình Yêu của Chúa hằng ngày, vì nhờ đó, đức tin của ta mới tăng trưởng và phong phú, qua kinh nghiệm sống ơn thánh, niềm vui, hy vọng, lắng nghe và đón nhận lời Chúa mời gọi.

26. Hỏi: Mỗi tín hữu phải đặc biệt quyết tâm điều gì trong Năm đức tin (11-12)?

Thưa: Mỗi tín hữu phải đặc biệt quyết tâm:

a) Tái khám phá niềm vui, nội dung đức tin, được tuyên xưng, cử hành, sống và cầu nguyện;

b) Suy tư về chính hành động đức tin.

27. Hỏi: Cần đặc biệt tái khám phá nội dung, cũng như suy tư về hành động đức tin nơi đâu (11-13)?

Thưa: Cần đặc biệt tái khám phá nội dung, cũng như suy tư về hành động đức tin nơi Sách Giáo lý Hội thánh Công giáo, và qua việc duyệt lại lịch sử đức tin của chúng ta.

28. Hỏi: Đức giáo hoàng mong muốn Năm đức tin sẽ giúp gì cho mỗi tín hữu(10)?

Thưa: Đức giáo hoàng mong muốn Năm đức tin:

a) Sẽ khơi dậy khát vọng tuyên xưng đức tin trọn vẹn, với xác tín được đổi mới, trở về cùng Chúa Kitô

b) Sẽ là cơ hội thích hợp, để tăng cường cử hành đức tin trong phụng vụ, nhất là bí tích Thánh Thể và Hòa Giải.

c) Sẽ tăng trưởng cuộc sống chứng tá của ta, với “Đức tin hoạt động bởi đức mến”.

d) Sẽ khích lệ các tín hữu siêng năng tuyên xưng đức tin bằng việc đọc kinh Tin Kính.

29. Hỏi: Vì sao trong Năm đức tin, cần đặc biệt cử hành bí tích Thánh Thể và Hòa giải (4;6;9)?

Thưa: Trong Năm đức tin, cần đặc biệt cử hành bí tích Thánh thể và Hòa giải, vì:

a) Bí tích Thánh Thể là “là tột đỉnh của mọi hoạt động, và là nguồn mạch cho mọi năng lực của Giáo Hội”.

b) Bí tích Hòa giải giúp ta hoán cải chân thành, trường kỳ để được thanh tẩy và đổi mới, hầu trở về cùng Chúa cách chân thực và mới mẻ.

30. Hỏi: Vì sao cần siêng năng đọc kinh Tin Kính (9)?

Thưa: Cần siêng năng đọc kinh Tin Kính, vì kinh này “ là những lời tin của Mẹ Giáo hội, được xây dựng vững chắc trên nền tảng vững bền là Chúa Ki-tô”.

31. Hỏi: Đâu là những bước hành trình để hiểu sâu sắc hơn nội dung đức tin (10-15)?

Thưa: Cuộc hành trình hiểu sâu sắc hơn nội dung đức tin gồm 3 bước:

a) Với con tim, ta tin.

b) Với môi miệng, ta tuyên xưng đức tin.

c) Với lý trí, ta hiểu biết nội dung đức tin.

32. Hỏi: Vì sao phải tin với con tim (10)?

Thưa: Phải tin với con tim, vì đức tin trước hết là hồng ân do Thiên Chúa, nên cần con tim ta rộng mở đón nhận ơn thánh tác động, biến đổi ta từ nội tâm.

33. Hỏi: Vì sao phải tuyên xưng đức tin bằng môi miệng?

Thưa: Phải tuyên xưng đức tin bằng môi miệng, vì đức tin bao gồm việc làm chứng và dẫn thân công khai.

34. Hỏi: Vì sao đức tin bao gồm việc làm chứng và dẫn thân công khai?

Thưa: Đức tin bao gồm việc làm chứng và dẫn thân công khai, vì đức tin là hành vi tự do, đòi hỏi một trách nhiệm xã hội về những điều ta tin, đó là phải loan báo không chút sợ hãi niềm tin của chúng ta.

35. Hỏi: Nhờ ai, chúng ta có thể loan báo không chút sợ hãi niềm tin của chúng ta (10)?

Thưa: Nhờ ơn Chúa Thánh Thần, chúng ta mới có thể thi hành sứ mạng chứng tá cách thắng thắn và can đảm.

36. Hỏi: Đức tin cá nhân là đức tin nào (10)?

Thưa: Đức tin cá nhân, “tôi tin”, là đức tin của Giáo hội, được mỗi tín hữu tự mình tuyên xưng, nhất là trong khi chịu Phép rửa.

37. Hỏi: Đức tin cộng đoàn là đức tin nào (10)?

Thưa: Đức tin cộng đoàn, “chúng tôi tin”, là đức tin của Giáo hội, được các Giám mục họp nhau trong Công Đồng, hoặc được Công Đồng phụng vụ các tính hữu tuyên xưng.

38. Hỏi: Vì sao vẫn hiểu biết nội dung đức tin?

Thưa: Cần hiểu biết nội dung đức tin:

a) Vì hiểu biết đức tin là điều thiết yếu để có thể chấp nhận tin, nghĩa là tâm trí hoàn toàn gắn bó với những gì Giáo Hội đề nghị.

b) Vì hiểu biết tin dẫn vào toàn bộ Mầu nhiệm Cứu độ, được Thiên Chúa mặc khải.

39. Hỏi: Ai bảo đảm những điều ta tin và xác thực?

Thưa: Chính Thiên Chúa bảo đảm những điều ta tin là xác thực, vì Người tự mặc khải, và cho phép ta được biết mầu nhiệm tình yêu của Người.

40. Hỏi: Trong bối cảnh văn hóa ngày nay, còn có thái độ nào khác đối với đức tin?

Thưa: Trong bối cảnh văn hóa ngày nay, còn nhiều người, tuy không nhìn nhận Đức tin, nhưng chân thành tìm kiếm ý nghĩa chung kết, và chân lý chung cục về cuộc sống và thế giới.

41. Hỏi: Vì sao sự tìm kiếm này được gọi là “Tiền đề” của Đức tin (10)?

Thưa: Sự tìm kiếm này được gọi là “Tiền đề”, nghĩa là đi trước Đức tin, vì nó thúc đẩy con người tìm đến màu nhiệm Thiên Chúa: Bởi lẽ, lý trí con người được chính Thiên Chúa phú bẩm niềm khao khát đạt tới “điều giá trị và tồn tại mãi mãi”.

42. Hỏi: Đây là những bước hành trình để suy tư về hành động đức tin (10-15)

Thưa: Hành trình để suy tư về hành động đức tin gồm 3 bước:

- a) Duyệt lại lịch sử đức tin của chúng ta.
- b) Tăng cường chứng tá bác ái.
- c) “Tìm kiếm đức tin”, với sự bền chí như hồi còn trẻ.

43. Hỏi: Lịch sử đức tin chứa đựng màu nhiệm nào (13)?

Thưa: Lịch sử đức tin chứa đựng màu nhiệm khôn lường giữa lịch sử thánh thiện và lịch sử tội lỗi.

44. Hỏi: Vì sao cần duyệt lại lịch sử đức tin của chúng ta?

Thưa: Cần duyệt lại đức tin của chúng ta:

a) Vì: “Lịch sử thánh thiện” cho ta thấy những gương đức tin, những đóng góp lớn lao của những tín hữu, đã tăng trưởng và phát triển Giáo hội bằng chứng tá cuộc sống.

b) Còn “Lịch sử tội lỗi” thúc giục ta hoán cải chân thành và trường kỳ, để kinh nghiệm lòng từ ti Chúa Cha, Đáng đến gặp mọi người.

45. Hỏi: Đức Giáo hoàng mời gọi ta trong Năm Đức tin hướng nhìn về ai?

Thưa: Đức Giáo hoàng mời gọi ta hướng nhìn về Chúa Giêsu Ki-tô, “nguồn gốc và tận điểm của đức tin”.

46. Hỏi: Vì sao Chúa Giê-su Ki-tô là “ nguồn gốc và tận điểm của đức tin”?

Thưa: Chúa Giê-su Ki-tô là “nguồn gốc và tận điểm của đức tin”, vì:

a) Nơi mầu nhiệm “Nhập thể- Làm người” của Người, mọi sóng gió và khát vọng của tâm hồn con người được hoàn tất.

b) Trong cái chết và phục sinh của Người, những tấm gương đức tin được tràn đầy ánh sáng, đã ghi dấu hai ngàn năm lịch sử cứu độ.

47. Hỏi: Đâu là gương đức tin sáng ngời nhất trong lịch sử đức tin?

Thưa : Gương đức tin sáng ngời nhất là mẹ Maria, Mẹ đã tin vững vàng, từ lúc Truyền tin tới ngày Chúa Thánh Thần hiện xuống trong Nhà Tiệc ly.

48. Hỏi : Trong cuộc hành trình đức tin, Mẹ Maria đã tín nhiệm cách riêng nơi ai?

Thưa : Trong cuộc hành trình đức tin, tín nhiệm cách riêng nơi Thánh Giu-se hôn phu, Mẹ Maria mang chúa Giê-su sang Ai Cập để cứu con khỏi Hê-rô-đê bách hại.

49. Hỏi: Đâu là những gương sáng đức tin trong lịch sử đã qua của Giáo hội?

Thưa : Những gương sáng đức tin trong lịch sử đã qua của Giáo hội là:

a) Các Tông Đồ, những vị đã từ bỏ, mọi sự để tin theo Chúa, và lên đường ra giảng khắp thế giới.

b) Các môn đệ, đã họp thành cộng đoàn đức tin đầu tiên, tụ tập quanh giáo huấn các Tông đồ.

c) Các vị tử đạo, đã hiến mạng sống làm chứng cho chân lý Phúc Âm.

50. Hỏi: Đâu là những gương đức tin giữa lòng Giáo hội hôm nay ?

Thưa: Những gương đức tin giữa lòng Giáo hội hôm nay chính là:

a) Những tín hữu đã tận hiến cho Chúa Ki-tô, sống tinh thần Phúc Âm : Vâng phục, thanh bần và khiết tịnh.

b) Nhiều Ki-tô hữu đã thắng tiến nhưng hoạt động bên vực công lí, để cụ thể hóa Lời Chúa

c) Những tín hữu thuộc mọi lứa tuổi đã tuyên xưng vẻ đẹp của việc theo Chúa Giê-su, trong gia đình, nghề nghiệp, đời sống công khai, đoàn sủng và sứ vụ.

51. Hỏi: Vì sao trong Năm Đức tin, cần tăng cường chứng tá bác ái?

Thưa: Trong Năm đức tin cần tăng cường chứng tá bác ái vì:

1. Đức ái lớn nhất trong 3 nhân đức.
2. “Đức tin không có việc làm là đức tin chết”
3. Đức tin không có đức ái sẽ không hiệu quả và đức ái không đức tin sẽ là một tình cảm luôn tùy thuộc sự nghi ngờ.

52. Hỏi: Vì sao đức tin và đức ái cần nhau ?

Thưa: Đức tin và đức ái cần nhau, vì cả hai thực hiện hành trình của mình :

Đức ái thúc đẩy giúp ta cứu giúp Chúa, mỗi khi Người trở thành kẻ thân cận của ta trong cuộc sống.

53. Hỏi: Vì sao ta phải “tìm kiếm đức tin”?

Thưa: Phải “tìm kiếm đức tin” với sự bền chí như hồi còn trẻ, để không ai trong chúng ta trở nên lười biếng trong đức tin.

54. Hỏi: Vì sao phải luôn bền chí “tìm kiếm đức tin”?

Thưa: Phải bền chí “tìm kiếm đức tin”, vì đức tin là bạn đồng hành suốt đời, đòi hỏi ta kiên trì :

a) Nhận thức cách luôn mới mẻ, về những kỳ công Thiên Chúa thực hiện cho chúng ta.

b) Đón nhận những “dấu chỉ thời đại”

c) Trở nên dấu chỉ hiện diện sống động của Đấng Phục Sinh nơi thế giới.

d) Nên chúng ta đáng tin của những người được Lời Chúa soi sáng.

55. Hỏi: Đức Giáo hoàng ước mong điều gì đối với Lời Chúa trong Năm Đức tin?

Thưa: Đức Giáo hoàng ước mong “ Lời Chúa hoàn tất hành trình của mình và được tôn vinh”

56. Hỏi: “Lời Chúa hoàn tất hành trình của mình và được tôn vinh” khi nào?

Thưa: “Lời Chúa hoàn tất hành trình và được tôn vinh”, khi Lời Chúa làm cho mối quan hệ giữa chúng ta với Chúa Ki-tô ngày càng vững chắc hơn.

57. Hỏi: Vì sao chúng ta cần quan hệ vững chắc với Chúa Ki-tô?

Thưa: Chúng ta cần quan hệ vững chắc với Chúa Ki-tô, vì chỉ trong Người mới có sự chắc chắn để hướng nhìn về tương lai, và bảo đảm tình yêu chân thực, lâu bền.

58. Hỏi: Những dấu hiệu nào cho thấy mối quan hệ với Chúa Ki-tô vững chắc?

Thưa: Mối quan hệ với Chúa Kitô vững chắc:

a) Khi cuộc sống Kitô Hữu “ tràn đầy vui mừng, dù còn chịu ưu sầu, thử thách, để tôi luyện đức tin”

b) Khi qua đau khổ, bách hại, ta hiểu biết, cảm nghiệm và tham gia máu nhiệm Thập giá, để có thể tuyên xưng: “ Khi tôi yếu, chính là lúc tôi mạnh”

c) Khi ta luôn vững tin: Chúa đã chiến thắng quyền lực sự ác và sự chết. Người luôn hiện diện giữa chúng ta cùng với Giáo Hội.

59. Hỏi: Đâu là thử thách nhiều Ki-tô hữu thường gặp trong đời sống Đức tin?

Thưa: Thử thách nhiều Ki-tô hữu thường gặp trong đời sống Đức tin là “sự im lặng của Thiên Chúa, trong khi họ muôn nghe lời an ủi của Người”.

60. Hỏi: Đức Giáo hoàng mời gọi phó thác Năm Đức tin cho ai?

Thưa: Đức Giáo hoàng mời gọi phó thác Năm Đức tin cho Đức Maria Mẹ Thiên Chúa, được tuyên dương là “Đấng diễm phúc vì đã tin”

61. Hỏi: Trong Năm đức tin, mỗi Giáo xứ cần mời gọi các tín hữu làm những gì?

Thưa: Mỗi Giáo xứ cần mời gọi các tín hữu :

- a) Canh tân đời sống, thực thi bác ái.
- b) Chia sẻ đời sống và kinh nghiệm đức tin
- c) Đối thoại với anh chị em tôn giáo bạn, với những người vô thần, dửng dưng, và mọi người chung quanh.
- d) Khám phá hồng ân Đức tin và ý thức trách nhiệm truyền giáo.

62. Hỏi: Trong Năm đức tin, mỗi Giáo xứ cần học hỏi những gì?

Thưa: Mỗi Giáo xứ cần :

- a) Giúp giáo dân đọc và suy ngẫm và tự sắc “Cánh cửa Đức tin”
- b) Giúp giáo dân đọc, tìm hiểu Công Đồng Chung Vatican II và sách Giáo Lý Hội Thánh Công Giáo.
- c) Phổ biến sách Giáo Lý Hội Thánh Công Giáo.

63. Hỏi: Trong Năm đức tin, mỗi Giáo xứ cần thực hiện những gì nơi cộng đoàn?

Thưa: Trong Năm đức tin, mỗi Giáo xứ cần:

a) Giúp cộng đoàn giáo dân tham dự bí tích Thánh Thể tích cực và sống động.

b) Phát huy sự tham gia của các hội dòng, các đoàn thể, các phong trào và các nhóm cơ bản.

c) Tìm cách tuyên xưng kinh Tin Kính cách công khai.

64. Hỏi: Mỗi Gia đình cần làm gì trong Năm đức tin?

Thưa: Năm đức tin cũng là năm Giáo phận chúng ta sống chủ đề “Thăng Tiến Gia Đình”, vì vậy, cần học giỏi và sống sứ mạng: xây dựng gia đình thành “ cộng đồng tin và rao giảng Tin Mừng”

65. Hỏi: Vì sao gia đình Ki-tô hữu được gọi là “ Cộng đồng tin”?

Thưa: Gia đình Ki-tô hữu được gọi là “cộng đồng tin”:

a) Vì đời sống hôn nhân-gia đình là một cuộc “ hành trình đức tin”

b) Vì qua bí tích hôn phối, “chỉ trong đức tin, họ mới có thể khám phá và thán phục phẩm giá của hôn nhân-gia đình”.

c) Vì gia đình Ki-tô hữu chính là “trường dạy đức tin”.

66. Hỏi: Vì sao đời sống hôn nhân-gia đình là một hành trình Đức tin?

Thưa: Đời sống hôn nhân- gia đình là một hành trình Đức tin, vì:

a) Giai đoạn chuẩn bị hôn nhân là cơ hội khám phá, đào sâu đức tin.

b) Cử hành bí tích hôn nhân, với việc công bố Lời Chúa, chính là hành động tuyên xưng đức tin.

c) Cuộc sống hôn nhân-gia đình chính là cuộc khám phá và tuân phục đức tin mỗi ngày.

67. Hỏi: Đây là phẩm giá của hôn nhân- gia đình Ki-tô hữu trong đời sống đức tin?

Thưa: Hôn nhân-gia đình Ki-tô hữu có phẩm giá cao quý trong đời sống đức tin, vì Thiên Chúa đã lấy đó làm dấu chỉ và môi trường của giao ước yêu thương, giữa Thiên Chúa và con người, giữ Đức Ki-tô và Hội Thánh, Hiền thê của Người”.

68. Hỏi: Vì sao gia đình Ki-tô hữu là “trường dạy đức tin”?

Thưa: Gia đình Ki-tô hữu là “ trường dạy đức tin”, vì nơi gia đình:

a) Ông, bà, cha mẹ là những nhà giáo dục, những giáo lý viên đầu đời, không ai thay thế được.

b) Từ ông bà, cha mẹ, đến con cháu, phải tạo thành một truyền thống đức tin, cha truyền con nối.

c) Cha mẹ không chỉ thông truyền, mà con có thể nhận lại Tin Mừng được sống sâu sắc nơi con cái.

69. Hỏi: Vì sao gia đình Ki-tô hữu là một “Cộng đồng rao giảng Tin Mừng”?

Thưa: Là một “Cộng đồng rao giảng Tin Mừng”, vì gia đình Ki-tô hữu:

a) Tham dự vào sự sống và sứ mạng tiên tri, của một Giáo Hội không ngừng rao giảng Tin Mừng.

b) Có nghĩa vụ tạo môi trường cho Tin Mừng được truyền đạt tới và lan tỏa...tương lai Tin Mừng hóa tùy thuộc phần lớn nơi Giáo Hội tại gia.

c) Góp phần truyền giáo đặc biệt, khi biết vun trồng ơn gọi thừa sai nơi con cái.

70. Hỏi: Thừa tác vụ Tin Mừng hóa của cha mẹ Ki-tô hữu có đặc điểm thế nào?

Thưa: Thừa tác vụ Tin Mừng hóa của cha mẹ Ki-tô hữu rất độc đáo, vì mạng những đặc tính riêng của đời sống gia đình, dệt nên bằng tình yêu, sự giản dị, sự dấn thân phục vụ, bằng những làm chứng mỗi ngày, nhất là trong cầu nguyện.

71. Hỏi: Bí tích hôn phối biến đổi đôi bạn và cha mẹ Ki-tô hữu thành những chứng nhân đặc biệt cho điều gì?

Thưa: Bí tích hôn phối biến đổi đôi bạn và cha mẹ Ki-tô hữu thành những chứng nhân, và thừa sai đích thực cho tình yêu và sự sống.

72. Hỏi: Các bạn trẻ cần làm gì trong Năm Đức tin?

Thưa: Năm Đức tin cũng là năm diễn ra Đại hội giới trẻ thế giới. Các bạn trẻ cần:

a) Học hỏi để thực hiện chủ đề “Anh em hãy đi và làm cho muôn dân trở thành môn đệ”.

b) Tuyên xưng đức tin nơi Chúa Phúc Sinh trong các Thánh đường, các gia đình, để mỗi người cảm thấy cần biết rõ hơn về đức tin ngàn đời, và thông truyền cho các thế hệ trẻ.

Phần II:
TÌM HIỂU VỀ PHỤNG VỤ
BỐN MỐT CÂU HỎI VỀ THÁNH LỄ MISA
(Dòng Dòng Công Hoa Kỳ)

1. Thánh lễ bắt nguồn từ đâu?

Thánh lễ là hiến tế tạ ơn.

Thánh lễ bắt nguồn từ nghi thức vượt lễ Vượt Qua của người Do Thái, được cử hành để tưởng nhớ cuộc giải phóng của dân riêng Thiên Chúa thoát khỏi ách nô lệ của Ai-cập, mặt khác cũng là dấu chỉ nói tới cuộc Vượt Qua, loan báo Đấng Cứu Tinh sẽ đến.

Bạn đừng ngạc nhiên về những điểm giống nhau của thánh lễ với nghi thức Vượt Qua của người Do-thái : Bởi trong chính một buổi cử hành lễ Vượt Qua, Chúa Kitô đã lập bí tích Thánh Thể. Thay vì chỉ chúc tụng và cảm tạ Thiên Chúa đã ban cho bánh, rượu và mọi điều hạnh phúc, Chúa Giêsu "cầm lấy bánh, dâng lời tạ ơn, bẻ ra và nói : "Đây là Mình Thầy, chịu phó nộp vì các con : các con hãy làm việc này để tưởng nhớ đến Thầy". Cũng vậy sau bữa ăn, Người cầm lấy chén rượu và nói : "Chén này là Giao Ước mới trong máu Thầy ; mỗi

lần các con uống, các con hãy làm việc này để tưởng nhớ đến Thầy" (1 Cor 11, 23-25).

Dù vẫn giữ lại ý nghĩa của nghi thức này nhưng Chúa Kitô lại làm phong phú thêm bằng một ý nghĩa mới mang tầm vóc hoàn vũ. Chính Người, là Đấng Cứu Tinh mà mọi người mong đợi, đang thực hiện cuộc giải phóng dân mới của Chúa, tức là Giáo Hội, được cứu độ bởi Thánh Giá và sự phục sinh của Người. Từ bữa Tiệc Ly đó, các Kitô hữu dâng lên Chúa Cha, mỗi ngày và mọi nơi, của lễ hy sinh và tạ ơn của chính Chúa Kitô.

2. Diễn tiến lịch sử hình thành thánh lễ ra sao?

Các Tông Đồ và giáo dân tiên khởi đã cử hành nghi thức "bẻ bánh": Hằng ngày, họ đồng tâm nhất trí chuyên cần lui tới Đền Thờ, hoặc nay ở nhà người này, mai ở nhà người kia, họ bẻ bánh và ăn uống đơn sơ, hát những bài thánh ca, đọc kinh nguyện và Kinh Thánh cách vui vẻ (Cv 2, 46). Cộng đoàn thời ấy được xem như là một "đền thờ sống động".

Chỉ từ thế kỷ thứ IV, khi hoàng đế Constantinô trở lại đạo công giáo, người ta thấy xuất hiện những cộng đoàn đông đảo Kitô hữu. Lúc đó, người ta mới nói đến "Lễ Misa". Các nghi lễ phụng vụ chịu ảnh hưởng các nghi thức và lễ hội của người Rôma. Y phục được dùng trong các buổi lễ thời đó là nguồn gốc của tu phục, áo lễ giáo sĩ mà bạn thấy hiện nay. Dần dần, người ta không còn ý thức về ý nghĩa của cộng đoàn và của bữa ăn mà trong đó Chúa Kitô chính là lương thực nuôi sống nhân loại. Người ta rước lễ ít hơn. Vài thế kỷ sau đó thì mai một thêm ý thức về bữa ăn và về tâm tình tham dự vào hy lễ. Thánh lễ trở thành một buổi trình diễn có tính cách thánh thiêng.

Vào thế kỷ XII, việc tôn sùng đối với sự hiện diện thực sự của Chúa Kitô nơi bánh thánh đưa đến

việc trưng bày bánh thánh trên bàn thờ (Chầu Thánh Thể). Việc linh mục giơ cao bánh đã được truyền phép xuất phát từ việc các tín hữu ước mong được "nhìn" bánh thánh (khoảng từ năm 1200). Việc nâng cao chén thánh được thêm vào sau đó.

Vào thế kỷ XIII và XIV, người ta thấy xuất hiện những cuộc kiệu rước Thánh Thể đầu tiên. Tín hữu "ngắm nhìn" Thánh Thể nhưng ít khi rước lễ. Phải chờ đến triều đại của Đức Giáo Hoàng Piô X, họ mới ý thức lại việc rước lễ "thường xuyên" (1905) và việc cho trẻ em rước lễ (1910).

Trong thánh lễ, các tín hữu rất thụ động. Năm 1947, Đức Giáo Hoàng Piô XII công bố thông điệp "Mediator Dei" (Đấng trung gian của Thiên Chúa) nhằm canh tân phụng vụ dưới mọi phương diện, trong đó có việc mời gọi cộng đoàn đối đáp với linh mục chủ tế.

Với Công Đồng Vaticanô II, người ta tìm lại được ý nghĩa sâu xa của thánh lễ, được tất cả mọi người cùng cử hành dưới sự chủ tọa của linh mục, là bữa tiệc của Thiên Chúa và là nghi thức bẻ bánh. Cách đây không lâu, lòng tôn sùng Thánh Thể vẫn còn được xem như là việc đạo đức cá nhân nhưng hiện nay thánh lễ lại trở nên hành vi tạ ơn của toàn dân Chúa.

3. Các phần trong thánh lễ như thế nào ?

Thánh lễ gồm hai phần :

- ° Phụng vụ Lời Chúa.
- ° Phụng vụ Thánh Thể.

Hai phần này liên kết chặt chẽ với nhau làm thành một hành vi phụng tự duy nhất. Thật vậy, thánh lễ là bàn tiệc gồm Lời Chúa và Thánh Thể, nơi đây các tín hữu được giáo huấn và bổ dưỡng.

Các nghi thức trước phần phụng vụ Lời Chúa (gồm bài ca nhập lễ, lời chào, nghi thức sám hối, kinh Thương xót, kinh Vinh Danh và lời nguyện nhập lễ) đều có tính cách mở đầu, dẫn nhập và chuẩn bị.

Các nghi thức vừa kể trên nhằm giúp các tín hữu hiệp thông với nhau, chuẩn bị tâm hồn để lắng nghe Lời Chúa và cử hành thánh lễ cho xứng đáng.

A. Phụng vụ Lời Chúa

Phần chính yếu của phụng vụ Lời Chúa là các bài đọc trích từ Kinh Thánh, với những bài thánh ca kèm theo. Còn bài giảng, lời tuyên xưng đức tin (kinh Tin Kính) và lời nguyện giáo dân cũng gọi là lời nguyện tín hữu, có mục đích khai triển và kết thúc phần phụng vụ Lời Chúa.

B. Phụng vụ Thánh Thể

- Dâng lễ : Chuẩn bị lễ vật mà trong giây lát nữa sẽ trở thành Mình và Máu Chúa Kitô.

- Kinh Tạ Ơn : Là trung tâm và là đỉnh điểm của thánh lễ

- Những nghi thức hiệp lễ : Kinh Lạy Cha, chúc bình an, bẻ bánh, kinh Lạy Chiên Thiên Chúa, rước lễ và lời nguyện hiệp lễ.

Sau phần Phụng vụ Thánh Thể là nghi thức kết lễ : Chào, ban phép lành và giải tán cộng đoàn giáo dân.

4. Linh mục đóng vai trò gì trong thánh lễ?

° Giám mục hoặc linh mục chủ tọa thánh lễ là dấu chỉ sự hiện diện của Chúa Kitô trong Giáo Hội của Người.

Nếu có nhiều linh mục đồng tế thì chỉ có một vị chủ tế từ đầu đến cuối thánh lễ. Vị chủ tế đó biểu tượng cho sự hiện diện của chính Chúa Kitô trong Giáo Hội của Người. Khi đọc những lời nguyện, linh mục chủ tế luôn nhân danh cộng đoàn.

5. Tại sao thánh lễ luôn được cử hành giống nhau, đọc hoài những lời bất biến?

Bởi vì Chúa Giêsu đã phán dạy : "Các con hãy làm việc này mà nhớ đến Thầy" (Lc 22, 19; 1 Cor 11, 24-25). Do đó, chúng ta thực hiện những gì mà Chúa Giêsu đã truyền cho chúng ta phải làm để tưởng nhớ đến Người. Từ gần 2000 năm qua, chỉ có một vài thay đổi nhỏ trong thể thức diễn tả mà thôi.

Trong thánh lễ, chúng ta không cử hành bữa Tiệc Ly, nhưng là cử hành sự chết và sự sống lại của Chúa Giêsu. Để thực hiện điều đó, chúng ta dựa trên cử chỉ và lời nói của Chúa Giêsu ở bữa Tiệc Ly. Có tất cả bốn cử chỉ : "Chúa Giêsu cầm lấy bánh, tạ ơn, bẻ ra và trao cho các môn đệ". Toàn phần phụng vụ Thánh Thể tóm gọn trong đó :

- ° Chúa Giêsu cầm lấy bánh (và rượu) : Đây là phần Dâng lễ.

- ° Tạ ơn : Kinh Tạ Ôn.

- ° Bẻ ra : Nghi thức bẻ bánh.

- ° Trao cho cho các môn đệ : Rước lễ.

Sự "tưởng nhớ" của thánh lễ không chỉ là một kỷ niệm, nhưng là tác động bí tích, qua đó, với đức tin của người Kitô giáo, điều Chúa Kitô đã thực hiện một lần duy nhất trong quá khứ được ban cho chúng ta thực sự trong hiện tại.

6. Chúa Kitô đã lập bí tích Thánh Thể ngày thứ năm Tuần Thánh, vậy tại sao không cử hành thánh lễ buộc vào ngày thứ năm ?

Chúa nhật là ngày ưu tiên để cử hành thánh lễ, vì đó là ngày Chúa Phục Sinh và thánh lễ chỉ có thể cử hành khi Chúa Kitô đã sống lại. Thánh Phaolô có nói: "Nếu Chúa Kitô không sống lại, thì lời giảng dạy của chúng tôi là hư vô và đức tin của anh em là mơ hồ" (1 Cor 15, 14). Nói cách khác, nếu Chúa Kitô không sống lại thì không có đức tin, không có Giáo Hội và cũng không có các bí tích.

Như thế, cử hành thánh lễ ngày Chúa nhật có một ý nghĩa thần học rất quan trọng. Thánh lễ không phải là sự lặp lại của bữa Tiệc Ly, cử hành thánh lễ ngày Chúa nhật xác định rằng đó là sự tưởng niệm sự chết và sự sống lại của Chúa Kitô. Chính trong buổi tối Phục sinh, hai môn đệ trong nhà trọ tại làng Emmau đã nhận ra Chúa Sống Lại khi Người bẻ bánh (Lc 24, 13-35).

Sau cùng, Chúa nhật là ngày toàn Dân Chúa dâng lời tạ ơn, tán tụng lên Thiên Chúa, cảm tạ Người đã chiến thắng sự chết.

7. Tại sao linh mục phải mặc áo dài trắng, áo lễ và đeo dây các phép ?

° Áo dài trắng (cũng gọi là áo Alba) là loại áo chùng dài màu trắng với hai ống tay rộng, được mặc bên trong.

° Dây các phép (cũng gọi là dây Stola) là một dải vải dài, thường cùng màu với áo lễ. Giám mục và linh mục mang dây các phép chung quanh cổ và rủ xuống phía trước, còn thầy phó tế thì đeo chéo vai. Cách đeo dây các phép cho phép ta dễ nhận ra phẩm trật của các chức thánh (giám mục, linh mục, phó tế).

° Áo lễ, rất rộng phủ ngoài áo dài trắng. Màu áo thì tùy theo mùa phụng vụ hoặc theo ngày lễ : đỏ, xanh, tím, trắng (hoặc vàng).

Phó tế chỉ mặc áo trắng và dây các phép (chéo vai).

Trong Hội Thánh là Nhiệm Thể Chúa Kitô, các chi thể không thi hành cùng một chức vụ như nhau. Khi thi hành việc phụng tự, sự khác biệt về chức vụ được biểu lộ ra bề ngoài nhờ sự khác biệt về phẩm phục. Do đó, phẩm phục là dấu chỉ của mọi

thừa tác viên. Hơn nữa, phẩm phục thánh làm tăng vẻ trang trọng của chính nghi lễ phụng vụ.

Nếu linh mục phải mặc áo dài trắng, áo lễ và đeo dây các phép trong thánh lễ, chính chỉ vì muốn cho mọi người biết rằng linh mục nói và hành động không phải với danh nghĩa cá nhân của mình nhưng là nhân danh Đức Giêsu Kitô.

8. Đây là ý nghĩa của màu sắc các phẩm phục phụng vụ?

Mỗi màu sắc mang một ý nghĩa:

Màu tím: màu của sự ăn năn, thống hối và của sự mong đợi, được dùng trong Mùa Chay và Mùa Vọng. Người ta cũng dùng màu tím trong thánh lễ và các nghi thức phụng vụ cầu cho những kẻ đã qua đời (trước Công Đồng Vaticanô II, dùng màu đen).

Màu đỏ là màu máu và lửa (màu của tình yêu), được dùng trong ngày Chúa nhật Thương khó (lễ Lá), thứ Sáu Tuần Thánh, Lễ Chúa Thánh Thần hiện xuống, trong các cử hành cuộc thương khó của Chúa, trong lễ kính các thánh Tông đồ, các thánh sử Tin Mừng và trong các lễ kính các thánh tử đạo.

Màu trắng (có thể được thay thế bằng màu vàng) gợi lên sự trong sạch, tinh tuyền, nhất là vinh quang của Thiên Chúa, được dành cho các nghi thức phụng vụ và các thánh lễ Mùa Phục Sinh và Mùa Giáng Sinh; cũng dùng trong các lễ kính, lễ nhớ về Chúa không phải là lễ kính nhớ cuộc thương khó của Người; các lễ kính Đức Mẹ, các thiên thần, các thánh không phải là thánh tử đạo. Màu trắng còn diễn đạt sự phục sinh của Chúa Kitô cũng như

sự phục sinh của chúng ta sau này. Nơi bàn tiệc thiên quốc những người được tuyển chọn đều mặc y phục trắng toát (xem sách Khải Huyền 7, 9).

Màu xanh lá cây được dùng trong các thánh lễ trong Mùa Thường Niên hoặc Quanh Năm. Màu xanh lá cây là màu của niềm hy vọng và của sự sống. Khi thấy vị linh mục tiến lên bàn thờ trong phẩm phục màu xanh, điều đó cho chúng ta nghĩ rằng chúng ta là những người có niềm hy vọng lớn lao, là đoàn lữ hành đang được Chúa Kitô dẫn đến những cánh đồng cỏ xanh tươi của miền đất hứa...

Màu hồng được sử dụng hai lần trong năm (Chúa nhật III Mùa Vọng và Chúa nhật IV Mùa Chay) để mời gọi tín hữu hưởng niềm vui thâm kín và an lành trong niềm trông đợi Đấng Cứu Tinh hoặc trong sự chuẩn bị đón mừng Chúa Kitô phục sinh.

Tại Việt Nam, màu hồng thường được dùng trong thánh lễ hôn phối, trong bầu khí vui tươi, để diễn đạt tình yêu nam nữ, là hình ảnh của tình yêu Chúa Kitô với Giáo Hội của Người.

9. Tại sao khi bước vào nhà thờ, người ta làm dấu thánh giá với nước thánh?

Bình nước thánh đặt nơi cửa nhà thờ mời gọi người tín hữu lấy tay chấm nước thánh và làm dấu thánh giá để nhắc họ nước của bí tích Thánh Tẩy.

Trong đêm Phục sinh, nghi thức rảy nước thánh đi kèm với việc cộng đoàn lặp lại lời tuyên hứa khi lãnh nhận bí tích Thánh Tẩy.

Nghi thức an táng cũng dùng nước thánh để nhắc nhở rằng bí tích Thánh Tẩy mở đường và dẫn đến đời sống vĩnh cửu: những người tham dự được mời rảy nước thánh để tỏ cử chỉ thân thiện và niềm hy vọng.

10. Tại sao thánh lễ thường bắt đầu bằng một bài hát?

Ca hát là cách diễn tả thông thường của bất cứ lễ hội nào và việc gặp gỡ Thiên Chúa luôn luôn là một lễ hội.

Bài hát nhập lễ nhằm xóa tan sự lạnh lùng của mỗi người chúng ta và kết hợp chúng ta thành một cộng đoàn tình thương và sống động.

Hát là dấu chỉ niềm hân hoan trong tâm hồn. Chúng ta hát để diễn tả sự hiệp nhất của cộng đoàn

tham dự và để nói lên rằng chúng ta vui sướng được gặp lại nhau như Thánh vịnh 132 đã biểu lộ :

"Ngọt ngào tốt đẹp lắm thay,

Anh em được sống sum vầy bên nhau!"

Niềm vui này phải được diễn tả cụ thể trong nghi thức đầu tiên của thánh lễ là sự tập hợp của đoàn dân Chúa.

11. Tại sao linh mục cúi hôn bàn thờ ?

Bàn thờ là nơi quan trọng nhất của nhà thờ, là trung tâm điểm của phụng vụ Thánh Thể.

Sở dĩ bàn thờ được coi là quan trọng vì đó là nơi Thiên Chúa và con người gặp gỡ, liên kết với nhau, là nơi mà Thiên Chúa đến với loài người và loài người đến với Thiên Chúa. Bàn thờ cũng tượng trưng cho Chúa Kitô, mối giao tiếp tuyệt hảo của sự gặp gỡ giữa con người với Thiên Chúa, bởi vì trong ngôi vị của Chúa Kitô, vừa có bản tính Thiên Chúa vừa có bản tính loài người.

Đối với người Do-thái, bàn thờ vừa là nơi tế lễ, vừa là chỗ thiết tiệc, là nơi mà con cái Thiên Chúa được nuôi dưỡng và giải khát.

Như vậy, khi thấy vị linh mục cúi hôn bàn thờ lúc bắt đầu thánh lễ. Đó là cử chỉ tôn kính đối với Chúa Kitô và đối với hy lễ của Người.

12. Dầu thánh giá mang ý nghĩa gì?

"Nhân danh Chúa Cha, Chúa Con, và Chúa Thánh Thần. Amen". Thánh lễ bắt đầu bằng dầu thánh giá là một trong những dấu hiệu Kitô giáo cổ xưa nhất và là dấu hiệu tuyệt hảo của người Kitô hữu.

Khi làm dầu Thánh Giá, chúng ta nhận biết mình thuộc về Chúa Kitô, bày tỏ niềm tin của chúng ta vào Chúa Kitô đã chết trên Thánh Giá vì chúng ta, chúng ta nói lên lòng ước muốn đón nhận sự phong phú khôn lường của Thánh Giá và ước muốn liên kết đời sống chúng ta với đời sống của Chúa Kitô chết trên Thánh Giá. Vậy, Thánh Giá quả là dấu chỉ sự cứu độ, sự cứu chuộc và sự phục sinh. Dầu Thánh Giá còn nhắc chúng ta về bí tích Thánh Tẩy của mình, bởi chúng ta đã được rửa tội "nhân danh Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần".

Dầu Thánh Giá là biểu thức của chính đức tin Kitô giáo, đó là sự hiện hữu của Thiên Chúa tình yêu được mạc khải bởi đời sống của Chúa Kitô. Do đó, người ta hiểu tại sao các Kitô hữu thường làm dầu Thánh Giá và luôn luôn bắt đầu một nghi thức phụng vụ bằng dầu thánh giá.

12. Amen nghĩa là gì?

Trong Thánh Lễ, nhiều lần bạn đáp Amen sau những lời nguyện mà linh mục chủ tế thay mặt cộng đoàn tuyên đọc. Thí dụ:

- "Xin Thiên Chúa toàn năng thương xót, tha tội, và dẫn đưa chúng ta đến sự sống muôn đời. - Amen".

Amen là một chữ Do-thái. Các tín hữu thời Cựu Ước thường dùng Amen để kết thúc lời cầu nguyện của họ. Chúa Ki-tô cũng đã sử dụng, không chỉ những lúc Người cầu nguyện mà còn cả trong lúc giảng dạy để nhấn mạnh, làm nổi bật chân lý Người nói: "Amen - Thật - Ta bảo thật các ngươi..." Chúng ta thường gặp ngôn thức này trong Tin Mừng.

Trước kia, sau các lời nguyện, người ta thưa "Ước gì được như vậy". Bây giờ người ta thích dùng chữ Amen hơn vì "Ước gì được như vậy" không thể diễn tả hết được sự phong phú của chữ Amen.

Khi thưa Amen, người ta không chỉ bày tỏ ước muốn được như vậy, mà còn xác nhận một điều chắc chắn. Đó là trường hợp khi vị linh mục công bố : "Mình Thánh Chúa Kitô" và tín hữu thưa "Amen". Chữ Amen ở đây có nghĩa "Vâng! Tôi xác tín Chúa Kitô đến ngự trong tôi dưới hình bánh này". Đó là một điều chắc chắn!

Khi bạn thưa Amen sau lời nguyện của linh mục chủ tế, điều đó không chỉ có nghĩa là ước muốn những lời cầu nguyện đó được chấp nhận, nhưng còn nói lên rằng: Lời nguyện đó cũng là lời nguyện của chính bạn, và bạn muốn thắp nhập vào đó với hết tâm tình.

Hơn thế nữa, Amen diễn đạt đức tin của toàn cộng đoàn vào sự trung tín của Chúa. Người sẽ nhậm lời những gì cộng đoàn cầu xin với niềm tin tưởng. Bởi vì căn gốc của chữ do-thái này có ý nghĩa sự trung thành, trung tín. Như thế, khi thưa Amen, chúng ta tung hô sự trung tín của Chúa, như lời thánh Phaolô: "Xin Thiên Chúa là Đấng trung tín chứng giám cho rằng lời nói của chúng tôi đối với anh em, không phải là vừa "Có" lại vừa "Không". Quả thế, Con Thiên Chúa là Đức Giêsu Kitô, Đấng mà chúng tôi đã rao giảng nơi anh em..., nơi Người chỉ là "Có" mà thôi. Bởi chung bao nhiêu lời hứa của Thiên Chúa đã thành "Có" ở nơi Người. Vì thế nhờ Người mà chúng tôi hô lên lời "Amen" tôn vinh Thiên Chúa" (2 Cor 1, 18-20).

13. Tại sao, sau Công Đồng Vaticanô II, linh mục chủ tế lại đứng đối diện với cộng đoàn?

Đây là một trong những cải cách phụng vụ thấy rõ nhất của Công Đồng Vaticanô II.

Thời thượng cổ, hầu hết các nhà thờ được xây hướng về phía đông, hướng mặt trời mọc, nơi tượng trưng cho sự Sống Lại. Hướng về phía đông khi cầu nguyện là một cách giúp hiểu rằng cộng đoàn cùng với linh mục chủ tế ngỏ lời với Chúa Kitô phục sinh.

Chúng ta cũng biết rằng người Do-thái hướng về thành Giêrusalem khi cầu nguyện, và người hồi giáo hướng về thành La Mecque.

Sau Công Đồng Vaticanô II, linh mục chủ tế không quay lưng về phía cộng đoàn như theo truyền thống nữa, mà quay mặt về cộng đoàn trong suốt thánh lễ. Thông thường, chúng ta đối diện với người nào đó khi nói chuyện. Do đó, thật là hợp lý khi linh mục chủ tế hướng về cộng đoàn: Chào đầu lễ, bài giảng... Khi linh mục công bố Tin Mừng, chính là Chúa Kitô nói với dân Người.

Nhưng khi cầu nguyện thì sao? Khi cầu nguyện, tất cả cùng thừa với Chúa. Do đó, chúng ta

sẽ khó hiểu hơn khi thấy linh mục đứng đối diện với cộng đoàn. Thật ra, bàn thờ được đặt giữa linh mục và cộng đoàn. Sự sắp đặt vị trí như thế có nghĩa là: Chúa không ở trước mặt chúng ta, nhưng ở giữa chúng ta, như lời hứa của Chúa Kitô: "Ở đâu có hai, ba người họp lại nhân danh Thầy, thì có Thầy ở giữa họ." (Mt 18, 20). Thánh Phaolô có nói: "Đức Kitô ở giữa anh em, Người là niềm hy vọng vinh quang !" (Col 1, 27).

14. Các bài đọc được chọn lựa như thế nào?

° Trong thánh lễ ngày Chúa Nhật, có ba bài đọc: bài đọc I trích từ Cựu Ước (trừ Mùa Phục Sinh, vì từ Chúa Nhật Phục Sinh cho đến Chúa nhật Chúa Thánh Thần hiện xuống, chúng ta nghe đọc sách công vụ), bài đọc II thường là một đoạn thư của thánh Phaolô hay của một Tông Đồ khác, còn bài đọc III thì luôn luôn là một đoạn Tin Mừng (Phúc Âm).

Các bài đọc Cựu Ước kể cho chúng ta nghe công trình của Thiên Chúa trước khi Chúa Kitô giáng trần. Bài Tin Mừng thuật lại các việc làm, cử chỉ và giáo huấn của Chúa Giêsu. Còn bài đọc II cho chúng ta biết tư tưởng và đời sống của các Kitô hữu tiên khởi.

Trong thánh lễ các ngày Chúa nhật Mùa Vọng, Mùa Chay và Mùa Phục Sinh, cũng như các ngày lễ trọng (Giáng Sinh, Chúa Thánh Thần hiện xuống...), cả ba bài đọc đều có mối liên hệ chặt chẽ với nhau về tư tưởng. Một sứ điệp được công bố dưới ba khía cạnh khác nhau.

Còn vào các ngày Chúa Nhật khác mà ta gọi là Chúa Nhật Thường Niên hay Quanh Năm, bài đọc I được chọn hợp với ý nghĩa của bài Tin Mừng. Mục đích để làm nổi bật sự hợp nhất của Cựu Ước và Tân Ước, của lịch sử cứu độ mà Chúa Kitô là trung tâm. Nếu có liên hệ tư tưởng với bài đọc II, thì chỉ là tình cờ mà thôi, vì bài đọc II theo một chu kỳ riêng biệt.

Các bài đọc được sắp xếp không theo thứ tự thời gian, nhưng theo ý nghĩa thần học và có tính cách sư phạm: trước tiên chúng ta nghe chứng từ của các bậc tiền bối trước thời Chúa Giêsu (bài đọc Cựu Ước) ; kế tiếp, chứng từ của các vị đã tiếp nhận sự mạc khải của Chúa Kitô phục sinh (bài đọc Tân Ước); và sau cùng là lời của chính Chúa Kitô (Tin Mừng).

Trước Công Đồng Vaticanô II, chỉ có hai bài đọc và được lặp lại mỗi năm. Bây giờ, trong mỗi

thánh lễ Chúa nhật, chúng ta có ba bài đọc, được đọc lại sau một chu kỳ ba năm có tên năm A, năm B, năm C. Năm A đọc Tin Mừng theo thánh Mát-thêu; năm B, thánh Mác-cô; năm C, thánh Lu-ca; còn Tin Mừng theo thánh Gio-an được đọc mỗi năm trong Mùa Chay và Mùa Phục Sinh. Như vậy, Giáo Hội cho đọc nhiều bài Thánh Kinh hơn trước rất nhiều. Chúng ta có thể nghe gần như trọn vẹn sách Tin Mừng.

° Thánh lễ trong tuần chỉ có hai bài đọc: bài đọc I trích từ Cựu Ước hoặc Tân Ước (trừ Tin Mừng), bài đọc II luôn là một đoạn Tin Mừng, được phân phối như sau: trong các tuần 1-9 Quanh Năm, đọc Tin Mừng theo thánh Mác-cô; trong các tuần 10-21, theo thánh Mát-thêu; và trong các tuần 22-34, theo thánh Lu-ca. Trong các Mùa khác, bài Tin Mừng được chọn theo tính chất đặc biệt của mỗi Mùa.

Trong Mùa Thường Niên, bài đọc I có chu kỳ hai năm (năm chẵn và năm lẻ), bài đọc II (Tin Mừng) có chu kỳ một năm. Các Mùa khác, bài đọc I và II đều có chu kỳ một năm.

15. Bài Thánh vịnh có vai trò gì?

Bài Thánh vịnh (hoặc bài thánh ca trích trong Kinh Thánh) được chọn theo ý tưởng của bài đọc I. Đó là sự đáp lại của cộng đoàn đối với Lời Chúa mà cộng đoàn vừa nghe (vì thế có tên là Đáp ca hay Thánh vịnh đáp ca), như là lời đáp lại với chính Thiên Chúa vừa phán dạy trong bài đọc I.

Thông thường, Thánh vịnh, đặc biệt là câu đáp của Thánh vịnh, lặp lại một lời, một ý nào đó vừa được công bố. Thí dụ, nếu bài đọc I mời gọi lắng nghe tiếng Chúa và thực hành những giáo huấn của Người, thì hầu như như câu đáp của Thánh vịnh sẽ là: "Lạy Chúa, Lời Ngài là chân lý, và luật Ngài là sự giải thoát cho chúng con".

16. Tại sao phải đứng lên khi nghe công bố Tin Mừng?

Trong thánh lễ, cộng đoàn ngồi khi nghe đọc hai bài Sách Thánh đầu tiên cũng như khi hát hoặc đọc Thánh vịnh.

Nhưng chúng ta đứng lên khi nghe công bố Tin Mừng vì là bài đọc quan trọng hơn cả.

Các bài Tin Mừng chứa đựng chính lời của Chúa Giêsu. Khi linh mục đọc Tin Mừng trong thánh lễ, chính Chúa Kitô đang hiện diện và nói với chúng ta. Tin Mừng thuật lại các việc và hành động của Chúa Giêsu. Do đó, khi nghe công bố Tin Mừng, chúng ta đứng lên để tỏ lòng tôn kính Chúa Giêsu, tôn kính những giáo huấn của Người cũng như mọi việc Người làm.

17. Tại sao phải làm tới ba dấu thánh giá trước khi nghe Tin Mừng?

Khi linh mục loan báo sẽ đọc bài Tin Mừng nào đó (Tin Mừng Chúa Giêsu Kitô theo thánh Mát-thêu, thánh Mác-cô, thánh Lu-ca hay thánh Gio-an), chúng ta tuân tự làm một dấu thánh giá trên trán, một trên môi miệng và một trên ngực. Tập tục này có từ thế kỷ thứ XI và mang nhiều ý nghĩa phong phú.

Làm ba dấu thánh giá như thế để xin Chúa ban ơn và chúc lành cho chúng ta. Qua dấu thánh giá trên trán, trên môi và trên ngực, chúng ta cầu xin cho lời Tin Mừng, mà chúng ta sắp nghe, thấm nhập trọn vẹn trong con người, bám rễ sâu trong trí khôn và trong tâm hồn của chúng ta. Chúng ta cũng xin cho trí tuệ của mình được soi sáng để thông hiểu Lời Chúa và cho tâm hồn được sưởi ấm để đón nhận Tin Mừng.

Khi làm ba dấu thánh giá, chúng ta có thể đọc thầm lời nguyện như sau: "Xin Lời Chúa mở rộng lòng trí con, cho miệng lưỡi con biết công bố Lời Ngài, cho con biết giữ Lời Ngài trong tâm hồn con và thực thi Lời Ngài".

18. Tại sao đọc kinh Tin Kính?

Trong thánh lễ, một trong những giây phút liên hệ chặt chẽ với Lời Chúa đó là lúc đọc kinh Tin Kính hay lời tuyên xưng đức tin. Kinh Tin Kính được đọc trong các lễ chúa nhật và lễ trọng như là sự chấp nhận và đáp lại Lời Chúa mà giáo dân đã nghe trong các bài đọc và bài giảng.

Kinh Tin Kính tóm tắt tất cả các điều căn bản của đức tin Kitô giáo. Đọc kinh Tin Kính là dấu chỉ nhìn nhận đức tin của mọi Kitô hữu.

19. Đây là ý nghĩa của Lời nguyện cho mọi người?

Tiếp sau phần Tuyên xưng đức tin là phần lời nguyện cho mọi người (cũng gọi là lời nguyện tín hữu, hay trước đây thường gọi là lời nguyện giáo dân).

Cộng đoàn dâng lên Thiên Chúa những lời cầu xin, khẩn nguyện, kêu van và tạ ơn không những cho Giáo Hội, cho cộng đoàn, cho những người tham dự thánh lễ và cho tất cả mọi người như lời khuyên của thánh Phaolô (1 Tm 2, 1).

Trong lời nguyện cho mọi người, chúng ta để con tim chúng ta cùng rung nhịp đập với mọi tạo vật, với mọi chiều kích của vũ trụ, biết thông cảm với những khổ đau, lao nhọc, với những niềm hy vọng của mọi người trên trái đất này.

Lời nguyện cho mọi người phải ôm trọn toàn thể giới trong vòng tay của mình và khẩn cầu Thiên Chúa đổ ơn dồi dào trên các tạo vật của Người.

20. Quyên tiền có phải là nghi thức thừa thãi không?

Một số người không thích quyên tiền trong các thánh lễ Chúa nhật vì việc ấy làm chia trí trong lúc cầu nguyện. Phải chăng đó là hành vi quá vật chất và trần tục trong khung cảnh hoàn toàn thiêng liêng?

Quyên tiền là một nghi thức rất cổ xưa và là sự tổng hợp của hai cách thực hành đã có từ buổi đầu của Kitô giáo:

° Một đàn, các tín hữu đem bánh và rượu đến để dâng thánh lễ. Các lễ vật này được rước kiệu lên bàn thờ, được chủ tế đón nhận để dâng lên Thiên Chúa. Đó là nguồn gốc của phần Dâng Lễ và lời nguyện tiến lễ (lời nguyện trên lễ vật). Từ thế kỷ thứ IX, vì việc nhận lễ vật bằng tiền mặt có vẻ tiện lợi hơn nên việc rước kiệu lễ vật được thay thế bằng việc quyên tiền. Việc quyên tiền này trong thánh lễ là dấu chỉ sự tham dự tích cực của mọi tín hữu vào thánh lễ cũng như lễ vật của mỗi người. Nghi thức kiệu lễ vật trong thánh lễ, hiện vẫn còn được thực hiện tại một vài miền và vào các dịp lễ lớn, giữ lại dấu vết của tục lệ cổ xưa này.

° Đàng khác, tình liên đới giữa các phần tử trong cộng đoàn Kitô được cổ vũ ngay từ thời sơ khai để cung cấp cho những nhu cầu của Giáo Hội và của người nghèo.

Do đó việc quyên tiền trong thánh lễ là một trong những phương cách thể hiện lòng biết ơn đối với Thiên Chúa và tình liên đới với tha nhân.

21. Tại sao chủ tế đổ ít nước vào rượu?

Ngày xưa, tại các xứ vùng biển Địa Trung Hải, người ta có thói quen pha một chút nước vào rượu, thường nặng và gắt.

Vào bữa Tiệc Ly (bữa ăn cuối cùng của Chúa Giêsu với các môn đệ trước khi chịu tử nạn), phải chăng Chúa Giêsu đã pha chút nước vào rượu nho? Có thể như vậy, tuy không có một tài liệu nào xác quyết việc này cả. Nhưng từ thế kỷ thứ II, người ta có thể xác định chắc chắn có việc pha nước vào rượu trong thánh lễ.

Nghi thức này có ý nghĩa rất hay: đó là dấu chỉ mối liên quan chặt chẽ giữa thần tính và nhân tính trong Chúa Kitô; đồng thời, là sự liên kết chặt chẽ của chúng ta (tượng trưng bởi nước) với Chúa Kitô (rượu nho) làm thành lễ vật dâng trong thánh lễ. Chúa Kitô không tự hiến tế một mình, nhưng liên kết với Giáo Hội mà chính Người là đầu.

Ý nghĩa phong phú của các biểu tượng này được thể hiện trong lời cầu nguyện của vị chủ tế khi pha chút nước vào rượu nho: "Cũng như giọt nước này hòa chung với rượu, xin cho chúng con được thông phần bản tính Thiên Chúa của Đấng đã đoái thương chia sẻ thân phận làm người với chúng con".

22. Cử hành thánh lễ với loại rượu nho nào?

Qui luật duy nhất là dâng thánh lễ với rượu nho tự nhiên và nguyên chất, nghĩa là không pha trộn với chất nào khác.

Tại nhiều xứ không trồng nho được, người ta sử dụng rượu nho tự nhiên có nồng độ hơi cao một tí, như rượu Porto chẳng hạn, để có thể giữ được lâu.

Trước thế kỷ thứ XVI, người ta thường dùng rượu nho đỏ (hiện nay, phụng vụ theo truyền thống Byzance, bên Đông Phương, vẫn còn duy trì tập tục này). Vào thế kỷ thứ XVI tại Tây Phương, khi người ta bắt đầu dùng khăn lau để tráng chén lễ, người ta thích dùng rượu nho trắng hơn để dâng lễ vì ít để vết.

23. Tại sao chủ tế lại rửa tay cuối phần Dâng lễ?

Dù không được coi là quan trọng trong thánh lễ, nghi thức này không thiếu ý nghĩa sâu sắc.

Rửa tay trước khi làm một việc gì cần sự sạch sẽ đặc biệt, đó là chuyện tự nhiên. Vì thế bạn không nên ngạc nhiên khi thấy vị chủ tế rửa tay, để chuẩn bị cầm bánh và rượu sẽ được truyền phép để trở nên Mình và Máu Chúa Kitô.

Nghi thức rửa tay đã có từ thế kỷ thứ IV. Vào thời kỳ này, người ta còn đem đến cho vị chủ tế không những bánh và rượu để được truyền phép, mà cả những sản phẩm cần dùng khác để các thầy phó tế phân phát cho người nghèo sau thánh lễ.

Hơn nữa, việc rửa tay cũng cần thiết sau khi chủ tế xông hương lễ phẩm và bàn thờ (nghi thức xông hương muốn nói lên rằng lễ phẩm và lời cầu nguyện của Giáo Hội cũng ví như hương trầm bay lên trước nhan thánh Chúa).

Tuy nhiên ngay từ đầu, nghi thức rửa tay luôn có một ý nghĩa thiêng liêng, đó là dấu hiệu của việc thanh tẩy trong tâm hồn, vì nước là dấu chỉ của sự thanh tẩy.

Khi rửa tay, vị chủ tế đọc lời Thánh vịnh 50, câu 4: "Lạy Chúa, xin rửa con sạch hết lỗi lầm, tội con đã phạm, xin Ngài thanh tẩy".

Cho dù mọi tín hữu có thể thông dự vào việc thanh tẩy này, nghi thức rửa tay chỉ dành riêng cho chủ tế, vì người ta hiểu rằng, trong chốc lát, vị chủ tế sẽ hành tác nhân danh Chúa Kitô.

24. Kinh Tạ Ơn là gì?

Kinh Tạ Ơn (trước đây gọi là Kinh nguyện Thánh Thể) là kinh nguyện quan trọng nhất trong thánh lễ. Đó là trung tâm điểm của bí tích Thánh Thể. Không có kinh Tạ Ơn thì không có thánh lễ. Trong bữa Tiệc Ly, Chúa Giêsu cầm lấy bánh và dâng lời tạ ơn, nghĩa là Người đọc kinh Tạ Ơn (xem Lc 22, 19).

Kinh Tạ Ơn khởi đầu bằng lời mời cộng đoàn hướng tâm hồn lên để cầu nguyện và tạ ơn Thiên Chúa:

- ° Chúa ở cùng anh chị em. - Và ở cùng cha.
- ° Hãy nâng tâm hồn lên. - Chúng con đang hướng về Chúa.
- ° Hãy tạ ơn Chúa là Thiên Chúa chúng ta. - Thật là chính đáng.

Hãy tạ ơn Chúa! Đó là lời quan trọng nhất. Tạ ơn Chúa là mục đích chính của thánh lễ. Tham dự thánh lễ là tạ ơn Chúa cả trời đất vì bao kỳ công của Người hôm qua, hôm nay và ngày mai.

Kinh Tạ Ơn luôn luôn ngỏ lời với Chúa Cha.

Cấu trúc kinh Tạ Ơn:

Chúng ta dừng lại ít phút để khảo sát kỹ lưỡng và để hiểu rõ cấu trúc của kinh Tạ Ơn. Để tham khảo, tôi đề nghị bạn tìm đọc kinh Tạ Ơn

II trong cuốn sách lễ nào đó. Sau đây là cấu trúc:

1. Đối thoại mở đầu: đối thoại giữa vị chủ tế và cộng đoàn, mà chúng ta vừa nêu ở trên, nhằm mời gọi tâm tình tạ ơn.

2. Lời Tiền Tụng: linh mục chủ tế nhân danh toàn thể cộng đoàn tán tụng Chúa Cha và cảm tạ Người về tất cả công trình cứu chuộc cho nhân loại, hoặc về lý do nào đặc biệt, tùy ngày, tùy lễ, tùy mùa khác nhau. Lời Tiền Tụng cũng làm nổi bật công trình cứu chuộc của Chúa Kitô.

3. Kinh "Thánh! Thánh! Chí Thánh!": Toàn thể cộng đoàn, hợp với các thần thánh trên trời, hát hay đọc "Thánh! Thánh! Chí Thánh!" Đây là lời tung hô, thờ lạy, tạ ơn và vinh danh Chúa Cha.

4. Kinh khấn cầu: Xin Chúa Cha, nhờ tác động của Chúa Thánh Thần, dùng quyền năng để thánh hiến bánh và rượu, nghĩa là làm trở thành Mình và Máu Chúa Kitô.

5. Lời truyền Phép: Linh mục nhân danh Chúa Kitô đọc lại những lời Người đã nói trong bữa Tiệc Ly. Chính Chúa Kitô đã thiết lập bí tích Thánh Thể trong bữa tối sau cùng này, ban cho các Tông Đồ Mình và Máu Người, dưới hình bánh và hình rượu để ăn, uống và truyền cho các ông phải làm cho mầu nhiệm này tồn tại mãi.

6. Kinh tưởng niệm: Sau lời truyền phép, Giáo Hội tưởng niệm toàn bộ công trình cứu chuộc của Chúa Kitô, nhất là việc tưởng niệm cuộc khổ hình, phục sinh, lên trời của Người và loan báo ngày Người sẽ trở lại. Kinh tưởng niệm được bắt đầu bằng lời tung hô của cộng đoàn: "Lạy Chúa, chúng con loan truyền Chúa đã chịu chết..."

7. Kinh khẩn cầu (2): Xin Chúa Cha, nhờ tác động của Chúa Thánh Thần để sau khi lãnh nhận Mình và Máu Chúa Kitô, các tín hữu được lãnh nhận ơn cứu độ và được hiệp nhất trong Hội Thánh, là thân thể sống động của Chúa Kitô.

8. Lời chuyển cầu: Sau kinh khẩn cầu là một loạt các lời cầu xin, cho Giáo Hội, cho mọi người trong cộng đoàn, cho kẻ sống cũng như đã qua đời, v.v...trong niềm hiệp thông với các thánh.

9. Vinh tụng ca: Cuối kinh Tạ Ơn, một lần nữa linh mục dâng lời tôn vinh Chúa Cha, qua Chúa Con và trong Chúa Thánh Thần.

10. Amen! Toàn thể cộng đoàn kết thúc kinh Tạ Ơn bằng cách xướng hoặc hát Amen! có nghĩa là cộng đoàn tán đồng với tất cả những điều vừa được đọc trong kinh Tạ Ơn.

Như thế, thánh lễ, nhất là trong kinh Tạ Ơn, trở thành tổng hợp và khuôn mẫu cho mọi lời nguyện Kitô giáo, dưới mọi khía cạnh, cho mọi nhu cầu, bắt đầu bằng lời tụng ca và lời tạ ơn lên Thiên Chúa đã ban cho chúng ta biết bao ơn lành. Thực sự, chẳng phải chúng ta xứng đáng lãnh nhận những hồng ân đó nhưng vì Thiên Chúa đã thương yêu chúng ta trước tiên.

25. Tại sao chỉ có một mình linh mục đọc kinh Tạ Ơn?

Kinh Tạ Ơn không phải là kinh nguyện của một mình linh mục mà là của toàn thể cộng đoàn. Bằng chứng là, khi đọc kinh Tạ Ơn, linh mục không dùng chữ "con" nhưng là "chúng con". Thí dụ trong kinh Tạ Ơn II, ta thấy những câu như sau:

◦ "Vì thế, chúng con xin Cha đổ ơn Thánh Thần xuống mà thánh hóa của lễ này..."

◦ "Giờ đây tưởng nhớ... chúng con dâng lên Cha bánh trường sinh và chén cứu độ này..."

◦ "Sau hết, xin Cha rộng lòng thương xót cho tất cả chúng con..."

Vị linh mục không tách rời với cộng đoàn; Ngài liên kết với cộng đoàn và nhân danh cộng đoàn mà cầu nguyện. Dĩ nhiên, có lúc linh mục phát biểu nhân danh Chúa Kitô: Đó là lúc ngài đọc lời truyền phép Thánh Thể nhưng hầu hết, ngài phát biểu nhân danh cộng đoàn.

Như thế, tất cả cộng đoàn tạ ơn Thiên Chúa, khấn cầu Chúa Thánh Thần, cả cộng đoàn dâng lời cầu xin lên Chúa Cha. Do đó nếu nói rằng kinh Tạ Ơn là việc dành riêng cho linh mục mà thôi thì

không đúng tí nào. Tuy một mình linh mục đọc hầu hết kinh Tạ Ơn nhưng ngài nhân danh mọi người mà làm. Kinh nguyện này không phải là kinh cá nhân của linh mục nhưng là kinh nguyện chung của toàn cộng đoàn. Lời thưa "Amen" của cộng đoàn diễn tả điều đó (đã đề cập ở câu hỏi trước).

26. Tại sao chỉ có một mình linh mục đọc kinh Tạ Ơn?

Kinh Tạ Ơn không phải là kinh nguyện của một mình linh mục, nhưng là của toàn thể cộng đoàn. Bằng chứng là, khi đọc kinh Tạ Ơn, linh mục không dùng chữ "con" nhưng là "chúng con". Thí dụ trong kinh Tạ Ơn II, ta thấy những câu như sau:

◦ "Vì thế, chúng con xin Cha đổ ơn Thánh Thần xuống mà thánh hóa của lễ này..."

◦ "Giờ đây tưởng nhớ... chúng con dâng lên Cha bánh trường sinh và chén cứu độ này..."

◦ "Sau hết, xin Cha rộng lòng thương xót cho tất cả chúng con..."

Vị linh mục không tách rời với cộng đoàn; ngài liên kết với cộng đoàn và nhân danh cộng đoàn mà cầu nguyện. Dĩ nhiên, có lúc linh mục phát biểu nhân danh Chúa Kitô: Đó là lúc ngài đọc lời truyền phép Thánh Thể. Nhưng hầu hết, ngài phát biểu nhân danh cộng đoàn.

Như thế, tất cả cộng đoàn tạ ơn Thiên Chúa, khấn cầu Chúa Thánh Thần, cả cộng đoàn dâng lời cầu xin lên Chúa Cha. Do đó nếu nói rằng kinh Tạ Ơn là việc dành riêng cho linh mục mà thôi thì

không đúng tí nào. Tuy một mình linh mục đọc hầu hết kinh Tạ Ơn nhưng ngài nhân danh mọi người mà làm. Kinh nguyện này không phải là kinh cá nhân của linh mục nhưng là kinh nguyện chung của toàn cộng đoàn. Lời thưa "Amen" của cộng đoàn diễn tả điều đó (đã đề cập ở câu hỏi trước).

27. Chúc bình an, một hành vi xã giao mà thôi?

Khi vị chủ tế chúc: "Bình an của Chúa hằng ở cùng anh chị em", cộng đoàn thưa: "Và ở cùng cha".

Và chủ tế nói thêm: "Anh chị em hãy chúc bình an cho nhau". Bạn đừng nghĩ rằng việc chúc bình an ở đây cũng giống như việc thân hữu ngoài đời trao tặng cho nhau. Không. Đây là một sự hòa giải. Thật vậy, trong Bài giảng trên núi, Chúa Giêsu nói rõ rằng trước khi thực hiện mọi hành vi phụng tự, cần phải làm hòa với anh chị em mình trước đã: "Nếu người đang dâng của lễ nơi bàn thờ mà sức nhớ người anh em đang có điều bất bình với người, thì người hãy để của lễ lại trước bàn thờ, đi làm hòa với người anh em người trước đã, rồi hãy trở lại dâng của lễ " (Mt 5, 23-24). Do đó, trong phụng vụ Đông Phương, nghi thức chúc bình an vẫn còn được đặt trước kinh Tạ Ơn, cũng như tại Tây Phương trong thời gian đầu. Việc thực hành nghi thức chúc bình an đã biến mất từ nhiều thế kỷ nay. Sau Công Đồng Vaticanô II, nghi thức này lại được lồng vào trong thánh lễ. Một số người không thích cho lắm vì họ nghĩ rằng: Ngoài các cử chỉ, di động phiến toái, lại còn thiếu sự thân mật giữa các tín hữu đang tham dự thánh lễ.

Thật ra, nghi thức chúc bình an trước tiên có một ý nghĩa thiêng liêng. Thánh lễ là nơi mà tất cả tín hữu khám phá và nhận ra mình là con cái của cùng một Cha, do đó tất cả là anh chị em với nhau. Nói lên điều đó không thôi thì chưa đủ nên cần phải được thể hiện cụ thể. Cử chỉ chúc và trao bình an là một trong những dấu hiệu đẹp nhất, qua đó chúng ta biểu lộ rằng chúng ta là con cùng một Cha.

Nhưng đôi khi việc chúc bình an đòi hỏi một sự cố gắng lớn, bởi vì cử chỉ này đòi hỏi mỗi người ra khỏi cái tôi chật hẹp của mình và coi người khác như là người mà ta phải tôn trọng và yêu thương. Trong một vài trường hợp, để chúc bình an một cách thật lòng, chúng ta cần phải tha thứ trong lòng trước đã, người mà chúng ta sắp đưa tay chúc bình an. Việc này không dễ dàng gì!

Việc chúc bình an được đặt trước phần rước lễ. Điều đó bình thường thôi, bởi vì làm sao chúng ta có thể đến gần Chúa Kitô và nói rằng chúng ta yêu mến Người, trong khi chúng ta từ chối hướng mặt về người anh chị em đang ở bên cạnh chúng ta? "Kẻ nào không yêu mến anh chị em mà mình xem thấy, thì không thể yêu mến Thiên Chúa mà mình không xem thấy được" (1 Gioan 4, 20).

Như thế, chia sẻ với người bên cạnh một nắm tay, hôn bình an hoặc cúi đầu chúc bình an (tùy theo phong tục của mỗi dân tộc) không phải là cử chỉ xã giao, lịch sự, mà là dấu chỉ hiệp thông trong sự bình an và tình yêu thương nhau. Và sự bình an này do Chúa Kitô ban tặng ("Bình an của Chúa hằng ở cùng anh chị em"). Thật vậy, Chúa Kitô đã phán: "Thầy để lại bình an cho các con, Thầy ban bình an của Thầy cho các con. Thầy ban cho các con không như thế gian ban tặng" (Gioan 14, 27). Do đó, sự bình an này rộng lớn hơn những gì con tim chúng ta có thể chứa đựng được, cũng như rộng lớn hơn những gì bàn tay chúng ta có thể truyền đạt được.

28. Nghi thức bẻ bánh có ý nghĩa gì?

Nghi thức bẻ bánh lập lại cử chỉ của Chúa Kitô trong bữa Tiệc Ly: "Người cầm lấy bánh, bẻ ra và trao cho các môn đệ". Vào thời các Tông đồ, thánh lễ được gọi là việc "bẻ bánh". Thánh Phaolô giải thích: "Tám bánh mà chúng ta bẻ ra chẳng phải là thông phần vào Mình Chúa đó sao? Vì có một tám bánh nên chúng ta tuy nhiều người cũng chỉ là một thân thể, vì hết thảy chúng ta thông phần vào một tám bánh" (1 Cor 10, 16-17).

Cử chỉ bẻ bánh thể hiện rõ ràng giá trị và tầm quan trọng của dấu hiệu hiệp nhất của mọi người trong cùng một tấm bánh, và của dấu hiệu yêu thương trong việc mọi người cùng chia với nhau tấm bánh duy nhất.

Trước đó, kinh Tạ Ơn đã nhấn mạnh điều này khi bày tỏ lời nguyện sau: "Chúng con cúi xin Cha cho Thánh Thần liên kết chúng con nên một khi chúng con dự tiệc Mình và Máu Đức Kitô" (kinh Tạ Ơn II). Chúng ta không thể tăng triển trong sự hiệp nhất với Chúa Kitô nếu chúng ta không cùng một lúc tăng triển trong sự hiệp nhất huynh đệ.

Ngày xưa, nghi thức bẻ bánh chiếm nhiều thời gian vì phải chia sẻ bánh Thánh cho tất cả cộng đoàn. Ngày nay, vì những lý do mục vụ (số người rước lễ đông chẳng hạn), người ta thường sử dụng những bánh lễ nhỏ cho giáo dân và một bánh lễ lớn cho linh mục. Ngài chỉ bẻ bánh lớn này mà thôi. Do đó, nghi thức bẻ bánh có thể khó nhận ra được nhưng vẫn luôn giữ được ý nghĩa sâu sắc của nó.

29. Tại sao chủ tế bỏ một miếng bánh Thánh nhỏ vào chén Thánh?

Sau khi bẻ bánh Thánh, ngay trước lúc rước lễ, linh mục bỏ một mẫu bánh thánh nhỏ vào trong chén thánh.

Sách lễ không giải thích nghi thức này, có lẽ do không thấy sự cần thiết hoặc do không chắc chắn về ý nghĩa của nó. Tuy nhiên, Giáo Hội vẫn giữ lại nghi thức ấy vì muốn trung thành với truyền thống. Có hai cách giải thích:

1. Nghi thức này có thể liên quan đến thời gian đầu của Giáo Hội. Các mẫu bánh Thánh trong Thánh lễ của Đức Giáo Hoàng được phân chia cho các cha xứ tại các nhà thờ nội thành Rôma. Những vị này không thể đến dự lễ Đức Giáo Hoàng cử hành do phải dâng lễ cho giáo dân. Việc chia bánh Thánh này muốn diễn tả sự hợp nhất của linh mục đoàn thành Rôma với vị giáo hoàng của mình.

2. Cũng có thể cho rằng đây là những bánh Thánh được giữ lại để cho những người bệnh và những người hấp hối rước lễ. Người ta đã thay thế lại mỗi khi bánh Thánh trở nên khô cứng, bằng cách nhúng vào rượu Thánh cho mềm bớt để chịu lễ cho dễ dàng hơn.

Ngày nay, mặc dù chưa có giải thích chính thức nào, người ta thường nói đến ý nghĩa tượng trưng của bánh Thánh và rượu Thánh. Giới thiệu Mình và Máu, như Chúa Giêsu đã làm ở bữa Tiệc Ly, theo nảo trạng của người Do-thái, là gọi lên sự chết, vì sự sống (tượng trưng bởi máu) không ở trong xác thịt nữa. Do đó, hòa lẫn Mình Thánh và Máu Thánh trong chén thánh để diễn tả rằng Chúa Kitô hằng sống, đó là chuyện tự nhiên. Và lại, khi nhìn bánh và rượu trên bàn thờ, chúng ta nghĩ ngay đến bữa ăn, dấu chỉ của sự sống.

Khi bỏ một mẩu bánh Thánh nhỏ vào trong chén Thánh, chủ tế đọc nhỏ: "Xin Mình và Máu Chúa Giêsu Kitô hòa lẫn với nhau mà chúng con sắp lãnh nhận cho chúng con được sống muôn đời".

30. Tại sao phải dùng bánh không men trong Thánh lễ?

Luật hiện hành của Giáo Hội buộc rằng Thánh lễ phải được cử hành với bánh không men (Giáo Luật, số 926).

Nhưng ngày xưa không hẳn như thế. Vào giữa thế kỷ thứ II, thánh Justinô cho biết là giáo dân đem bánh nướng tại nhà mình đến để dâng trên bàn thờ. Chắc chắn đó là bánh nướng được làm dậy bằng men. Cho tới thế kỷ thứ XI, người ta chấp nhận cả bánh có men lẫn bánh không men để cử hành Thánh lễ. Vào giữa thế kỷ XI, Giáo Hội Tây Phương có thói quen chỉ dùng bánh không men.

Tại sao bánh có men được thay dần dần bằng bánh không men ?

1. Trước tiên, vì theo gương Chúa Kitô. Theo các Thánh sử Mát-thêu (26, 17), Mác-cô (14, 12) và Lu-ca (22, 7-8), bữa Tiệc Ly là tiệc lễ Vượt Qua, trong đó người ta dùng bánh nướng không men để tưởng nhớ ngày dân Do-thái, do phải vội vã lên đường trốn ra khỏi Ai-cập, họ không có đủ thời giờ để chờ bột dậy men rồi đem nướng. Dùng bánh không men là cách để nhắc nhở việc ấy.

2. Vào thế kỷ thứ XII, việc tôn kính Thánh Thể trở nên phổ biến và được thực hiện một cách tỉ mỉ. Người ta cố giữ làm sao không cho một mẩu vụn bánh nào rơi xuống đất. Bánh không men được xét là thích hợp hơn để dâng thánh lễ vì ít bỏ hơn và nhẹ hơn bánh có men. Và lại, với bánh không men, người ta làm được dễ dàng những tấm bánh trắng và đẹp, dấu chỉ sự tinh tuyền của lễ vật chúng ta dâng. Hơn nữa, với bánh không men, người ta dễ làm các bánh nhỏ dành cho giáo dân.

3. Thánh lễ là dấu chỉ của sự hiệp nhất. Do Giáo Hội Đông Phương vẫn duy trì bánh không men, nên việc chúng ta cũng dùng bánh không men để biểu lộ sự hợp nhất với các Kitô hữu Đông Phương.

4. Thánh lễ không phải là bữa tiệc như những bữa tiệc khác. Dùng loại bánh đặc biệt nói lên tính chất đặc thù của bữa tiệc Thánh Thể.

31. Có phải không lên rước lễ vì ta tự xét là không xứng đáng hoặc chưa sẵn sàng chăng?

Ngày xưa, linh mục dâng thánh lễ bằng tiếng la-tinh và quay lưng lại với giáo dân. Mỗi người tự dọn mình bằng cách đọc thầm kinh dọn chịu lễ trước khi lên rước lễ. Nhưng ngày nay, theo tinh thần canh tân phụng vụ sau Công Đồng Vaticanô II, toàn bộ thánh lễ là sự chuẩn bị cho việc rước lễ. Hay nói đúng hơn, toàn bộ thánh lễ là hiệp lễ (rước lễ): từ việc mặc niệm lúc đầu thánh lễ, nhìn nhận tội lỗi mình, nghe Lời Chúa qua các bài đọc, lời nguyện giáo dân, thông dự vào kinh Tạ Ơn, đọc kinh Lạy Cha. Tất cả đều nhằm khai triển hành động của Chúa Kitô, Đấng làm cho chúng ta trở nên thân thể của Người.

Trong kinh Tạ Ơn, sau khi bánh, rượu đã được thánh hiến, chúng ta xin Chúa Cha, nhờ tác động của Chúa Thánh Thần, để sau khi lãnh nhận Mình và Máu Chúa Kitô, chúng ta được hiệp nhất trong Hội Thánh, là Nhiệm Thể của Chúa Kitô.

Bạn thấy rước lễ quan trọng như thế nào khi biết rằng rước lễ tóm lược toàn bộ thánh lễ. Do đó những người tham dự thánh lễ không nên tách rời cộng đoàn và tự cô lập mình, khi nghĩ rằng mình

không xứng đáng lên rước lễ. Bạn không quên điều này: rước lễ không phải là một phần thưởng, nhưng là một lương thực.

Bạn hãy nhớ lại câu mà mọi người đều đọc trước khi rước lễ: "Lạy Chúa, con chẳng (xứng) đáng Chúa ngự đến cùng con, nhưng xin Chúa chỉ phán một lời, thì con được lành mạnh" (Sách Lễ Rôma, bản dịch 1992 của HĐGMVN). Như thế, vấn đề ở đây không phải là việc nêu lên phẩm giá của mình, nhưng trái lại, ý thức được rằng rước lễ không phải là một quyền lợi, nhưng là một ân huệ. Khoảng cách giữa sự thánh thiện của Chúa và của ta ví tựa như trời cao với vực thẳm, cho nên đây không là lúc đặt vấn đề mình có xứng đáng hay không để rước Chúa vào lòng. Lời nguyện trên lập lại lời của viên sĩ quan đã không dám tiếp đón Chúa Giêsu vào nhà mình : "nhưng xin Ngài phán một lời" (Lc 7, 7). Trong Chúa Giêsu, Lời và bản thân Người chỉ là một. Để ý đến lời mời của Chúa Giêsu "Hãy cầm lấy mà ăn" quan trọng hơn việc tìm kiếm sự thanh khiết của chúng ta nhiều.

Vả lại, chúng ta cảm thấy nghịch thường khi thấy một số tín hữu nhận lời mời của Chúa Kitô đến dự bữa tiệc thánh của Người, do đó, tự xem là

con cái trong một gia đình, lại tự tách riêng ra, không tham dự rước lễ, làm như họ là người ngoài bữa tiệc hoặc là những người bàng quan. Tham dự thánh lễ mà không rước lễ là chưa thấu hiểu ý nghĩa đích thật của bí tích Thánh Thể.

Tuy nhiên, có một vài ngoại lệ. Ngoài vấn đề những người bị vạ tuyệt thông hoặc phạm tội nặng không được rước lễ, có thể vào lúc rước lễ, với đức tin cao độ, chúng ta thực sự cảm thấy chưa sẵn sàng trong nội tâm để tiến lên đón nhận Mình thánh Chúa. Vì rước lễ đòi hỏi sự chuẩn bị cả con người chúng ta, nên phải làm hết sức để tránh làm sao cho việc rước lễ khỏi trở nên máy móc, nhàm chán. Có lẽ trong một vài trường hợp, ta không nên lên rước lễ, không phải vì ưu tư về sự thanh khiết của mình nhưng vì không phù hợp với lòng thành của mình trước cử chỉ ta sắp thực hiện.

32. Tại sao chúng ta ít khi được rước cả Mình Thánh và Máu Thánh Chúa?

Giáo Hội khuyến khích việc chịu lễ Mình và Máu Thánh Chúa vì hoàn toàn phù hợp với lời mời của Chúa Giêsu: "Hãy cầm lấy mà ăn", "Hãy cầm lấy mà uống".

Nhưng khi có nhiều người tham dự thánh lễ, việc cho rước lễ dưới hai hình bánh và rượu gặp nhiều khó khăn cụ thể. Đó là lý do giải thích tại sao hiếm khi bạn được rước lễ dưới hai hình thức. Mong rằng trong các dịp lễ trọng, và khi có nhiều thừa tác viên cho rước lễ, giáo dân được rước cả Mình và Máu Thánh Chúa.

Điều quan trọng cần nhấn mạnh ở đây là khi bạn chỉ rước Mình Thánh Chúa hoặc chỉ rước Máu Thánh Chúa, bạn đều rước Chúa Giêsu Kitô trọn vẹn. Người hiện diện thật sự và trọn vẹn ngay chỉ dưới một hình thức (Sắc lệnh của Công Đồng Trentô (hoặc Tridentinô), khóa họp 13, năm 1551).

Có người đặt câu hỏi: có thể rước lễ nhiều lần trong ngày được không? Theo Giáo Luật mới (1983), số 917, ai đã rước lễ rồi thì có thể rước lễ một lần nữa trong ngày đó, nhưng chỉ ở trong thánh lễ mà họ tham dự mà thôi.

33. Nên rước lễ bằng tay hay bằng miệng?

Đối với một số người, rước lễ bằng tay có vẻ thiếu tôn kính với Mình Thánh Chúa Kitô. Hôm trước ngày chịu nạn, trong lúc lập phép Thánh Thể, Chúa Giêsu "cầm lấy bánh, đọc lời tạ ơn, bẻ ra và trao cho các môn đệ" (Lc 22, 19). Chắc chắn là các môn đệ đã cầm bánh thánh trong tay của mình và Giáo hội cũng đã tiếp tục làm như thế trong suốt mười thế kỷ đầu. Sử liệu không thiếu để minh chứng việc này.

Việc rước lễ bằng miệng chỉ xuất hiện sau đó. Một đảng, việc Giáo Hội chống mọi hình thức ma thuật và tục lệ mê tín dị đoan (thí dụ: chôn bánh thánh trong đất ruộng để mùa gặt được tốt) dẫn đến việc rước lễ bằng miệng. Đảng khác, do người ta ngày càng nhạy cảm về tính chất thiêng liêng của Mình Thánh để rồi đi đến suy nghĩ cho rằng chỉ có linh mục mới có quyền đụng đến bánh thánh.

Rước lễ bằng tay và rước Máu thánh Chúa được tái lập bởi Công Đồng Vaticanô II.

Ngày nay người tín hữu được tự do chọn một trong hai cách rước lễ. Cách nào hay hơn đối với bạn? Điều cốt yếu là bạn tham dự bữa tiệc Thánh Thể và đón rước Mình Thánh Chúa Kitô phục sinh với tất cả lòng cung kính.

34. Tại sao các tín hữu không tự đến lấy bánh thánh?

Các tín hữu không tự động đến lấy bánh thánh, mà nhận bánh thánh từ tay linh mục, phó tế hay từ một thừa tác viên. Ở bữa Tiệc Ly cũng vậy. Chính Chúa Giêsu đã trao ban bánh và rượu cho các môn đệ của mình.

Thánh Thể là ân huệ được ban tặng cho chúng ta. Bạn không tự mình cầm lấy được, nhưng đón nhận từ một người khác. Tự mình nhận lấy bánh thánh và rượu thánh có thể sẽ dẫn đến sự hiểu lầm cho rằng bạn có quyền nào đó trên các tặng phẩm cao quý này. Không phải thế. Thánh Thể là hồng ân của Chúa, không ai có quyền hoặc có thể chiếm đoạt lấy cho mình. Chỉ có Chúa Kitô ban hồng ân theo ý Người và theo lòng nhân từ của Người.

Ai đón nhận bánh thánh là đón nhận ơn cứu độ, vì người ấy đón nhận chính Đấng Cứu Thế là Đấng hiện diện dưới hình bánh.

35. Câu chúc kết thúc thánh lễ "Lễ đã xong, chúc anh chị em ra về bình an" có ý nghĩa gì?

Đó là những lời cuối cùng mà chủ tế nói trong thánh lễ. Những lời này không chỉ có mục đích để kết thúc thánh lễ bằng cách giải tán giáo dân, nhưng còn có ý nghĩa sai đi. Linh mục muốn nói :

° Anh chị em vừa nghe Lời Chúa, vừa suy ngẫm và tung hô lời giáo huấn của Chúa Kitô, thì bây giờ hãy đem những lời ấy ra thực hành. Hãy đi làm chứng về điều mình vừa nghe, về điều mình tin.

° Trong thánh lễ, anh chị em đã nhớ rằng Chúa Kitô đã hiến mạng sống mình vì tình yêu và anh chị em cố gắng noi theo gương của Người. Anh chị em đã lãnh nhận Mình và Máu Thánh Chúa Kitô.

Giờ đây, anh chị em hãy ra đi trong bình an của Chúa Kitô! Hãy ban tặng sự sống của mình giống như Chúa Kitô đã làm! Hãy yêu mến tha nhân như Người đã làm gương cho chúng ta! Hãy yêu thương, tha thứ và đi gieo niềm hy vọng khắp mọi nơi!

Trong sách lễ bằng Pháp ngữ, chủ tế nói: "Hãy ra đi trong bình an của Chúa Kitô" (Allez dans la paix du Christ). Còn trong sách lễ bằng Anh ngữ, có thể chọn một trong ba công thức sau :

- "Hãy ra đi trong bình an của Chúa Kitô" (Go in the peace of Christ),
- "Thánh lễ đã xong, hãy ra đi trong bình an" (The Mass is ended, go in peace).
- "Hãy ra đi trong bình an yêu mến và phục vụ Thiên Chúa" (Go in peace to love and serve the Lord).

36. Bổng lễ (tiền xin lễ) để làm gì?

Tất cả mọi thánh lễ được cử hành đều dành cho toàn thể giới, như Chúa Giêsu đã phán: "Mình Thầy bị phó nộp vì các con. Máu Thầy đổ ra để mọi người được tha tội" (Lc 22, 19-20 và Mt 26, 26-28). Vì thế trong thánh lễ, Giáo Hội cầu nguyện cho hết mọi người: hàng giáo sĩ, tu sĩ, giáo dân cũng như cho những người đã qua đời. Tuy nhiên, vị chủ tế vẫn có thể kết hợp các ý nguyện chung này với một ý cầu nguyện riêng của tín hữu.

Thánh lễ vô giá. Nhưng ngay từ thời Giáo Hội sơ khai, các tín hữu đã muốn chứng tỏ rằng việc tham dự thánh lễ bao gồm toàn vẹn bản thân, cũng như chính Chúa Kitô đã trao hiến trọn vẹn thân Người. Vì thế họ đã đem đến dâng hoặc bằng hiện vật (bánh, rượu, đèn nến...), khởi đầu cho việc kiệu rước lễ vật trong thánh lễ hoặc bằng tiền để trang trải những chi phí phụng tự, giúp cho linh mục có điều kiện sinh sống, trang trải các hoạt động của Giáo Hội. Đó là ý nghĩa lễ vật của họ khi họ ủy thác cho vị linh mục một ý chỉ nào đó.

Từ đó phát sinh "tiền xin lễ" khá phổ biến kể từ thế kỷ thứ XII. Các tòa giám mục tùy ý ấn định giá bổng lễ nhưng phải hợp với khả năng của mọi

người. Vì lo rằng việc xin lễ có thể phát sinh những hình thức thương mại, nên nhiều người chủ trương dẹp bỏ thói quen này. Nhưng các hoạt động của Giáo Hội cũng như của hàng giáo sĩ đều dựa vào những đóng góp tự nguyện của giáo dân, trong đó có việc dâng bông lễ. Vì thế trong thực tế, thật khó mà xem thường phần đóng góp quý báu này của giáo dân.

37. Có thể cử hành thánh lễ chỗ nào khác ngoài nhà thờ không?

Thánh lễ có thể được cử hành ở ngoài nhà thờ, như ta đã từng thấy tại những nơi khốn khổ (trong trại tù, trong nhà riêng ở những vùng có cấm đạo, v.v...). Thánh lễ có thể được cử hành dưới nhiều hình thức khác nhau.

Khi thánh lễ được cử hành ở những nơi khác ngoài nhà thờ, điều quan trọng là ý nghĩa thánh lễ phải được tôn trọng tối đa. Tại những nơi có đông người tham dự, việc cử hành nhằm sao cho trang trọng để mọi người có thể tham dự một cách tích cực và sốt sắng. Tại nhà riêng, vấn đề quan trọng là đừng để việc cử hành thánh lễ bị tầm thường hóa: sắp xếp chỗ cử hành, chủ tế phải mặc y phục phụng vụ, người tham dự phải trang nghiêm, đó là những điều giúp cho thánh lễ thêm long trọng.

38. Dự lễ qua đài truyền hình hoặc truyền thanh có được coi là tham dự thánh lễ thật sự hay không?

Thánh lễ trên đài truyền hình hoặc truyền thanh là một thánh lễ đích thực vì được truyền trực tiếp từ một giáo xứ hay một dòng tu. Nhưng đài truyền hình và truyền thanh không truyền hết được tất cả các phần và chi tiết của thánh lễ.

Thánh lễ được truyền hình và truyền thanh có những lợi điểm nhưng cũng có những giới hạn. Các phương tiện truyền thông này giúp cho những ai (bệnh nhân chẳng hạn) không thể đi đến nhà thờ có thể cầu nguyện trong sự hiệp thông với một cộng đoàn và liên kết với toàn thể Hội Thánh. Họ được nghe các bài Sách Thánh Chúa nhật và nghe bài giảng chú giải thực dụng của Lời Chúa. Vả lại, các tín hữu, nơi mà thánh lễ được truyền hình hoặc truyền thanh, cũng có ý thức trong việc lôi kéo, khuyến khích lòng thành và đạo đức của những ai đang phải sống cô quạnh để họ hiệp thông với Hội Thánh qua phương tiện truyền thông.

Nhưng thánh lễ qua đài truyền hình hoặc truyền thanh không thể thay thế việc đến nhà thờ tham dự thánh lễ. Không phải việc xét dự lễ như thế có

được xem như đã giữ luật buộc dự lễ ngày Chúa nhật hay chưa, bởi những người không thể di chuyển được vì do bệnh tật, do phải sống xa nhà thờ hay do thời tiết cản trở, đều không buộc phải đi lễ ngày Chúa nhật. Như thế, chúng ta không có lý do gì ngồi ở nhà, thực hiện điều mà đáng lẽ chúng ta phải làm ở nhà thờ.

Yếu tố đầu tiên của mọi bí tích, đó là cộng đoàn tín hữu đáp lại lời mời gọi của Thiên Chúa, và trong lời cầu nguyện, trong lúc nghe Lời Chúa và trong tình bác ái huynh đệ, họ cùng nhau cử hành sự chết và sự sống lại của Đức Giêsu Kitô.

39. Tại sao ngôn ngữ phụng vụ không thích nghi với ngôn ngữ ngày nay?

Ngôn ngữ phụng vụ phải thích nghi sao cho mọi tín hữu hiểu được, không phải chỉ dành riêng cho một nhóm người riêng biệt nào đó, qua chức vụ hay nhờ học tập nhiều mới thấu hiểu được. Và lại, thánh lễ biểu hiện sự hiệp thông của mọi tín hữu trong Chúa Kitô.

Nhưng mỗi người phải có một thời gian học hỏi mới có thể hiểu được một ngôn ngữ nào đó. Thí dụ: bạn không thể làm cho một người nào đó hiểu về ngôn ngữ của các thảo trình trên máy vi tính, trong khi người đó chưa sử dụng máy vi tính bao giờ cả. Hoặc là, bạn không thể buộc người nào đó chưa từng chơi túc cầu phải hiểu ngay được bài tường thuật truyền hình về giải bóng tròn thế giới. Về ngôn ngữ phụng vụ cũng vậy thôi.

Cầu nguyện theo Kitô giáo không phải chỉ nói lên nguyện vọng của mình với Thiên Chúa. Nhưng lời cầu nguyện còn làm cho chúng ta liên kết với Thiên Chúa, vì qua lời cầu nguyện của chính Chúa Kitô, qua lời nói và việc làm của Người, mà người tín hữu lặp lại như lời cầu nguyện của chính mình vậy.

Bạn có được hướng dẫn thực sự trong việc cầu nguyện, trong việc đọc Kinh Thánh không? Bạn có tiếp tục đào sâu giáo lý sơ cấp mà bạn đã được học lúc còn bé thơ không?

40. Để cử hành thánh lễ, người ta có thể thay thế bánh miến và rượu nho bằng các thứ khác, chẳng hạn bằng cơm và trà ở Á Châu, hoặc bằng bánh khoai mì và rượu thốt-nốt bên Phi Châu được không?

Ngày nay, Kitô giáo được loan truyền khắp thế giới và Công Đồng Vaticanô II mong muốn mỗi dân tộc diễn tả đức tin theo truyền thống văn hóa riêng của mình. Vậy tại sao không thích nghi bữa tiệc Thánh Thể với bữa ăn truyền thống của mỗi dân tộc?

Bánh miến (làm bằng bột mì) và rượu nho có vẻ quá gắn bó với nền văn hoá Cận Đông và Tây Phương. Nhưng bạn đừng quên rằng Chúa Giêsu là người Do-thái, chính Người đã dùng bánh miến và rượu nho để lập phép Thánh Thể.

Dùng bánh miến và rượu nho cũng là một cách để nhớ lại rằng Thiên Chúa đã đi vào Lịch Sử. Mặc khải Kitô giáo đã được thực hiện trong một nơi chốn rõ rệt và một thời điểm nhất định. Khi chúng ta tuân theo huấn lệnh của Chúa Giêsu "Hãy làm việc này để nhớ đến Thầy", chúng ta phải để ý đến những điều kiện cụ thể này của việc Người nhập thể.

Đàng khác, bạn đừng quên biểu tượng phong phú của bánh miến và rượu nho trong Kinh Thánh, thí dụ:

◦ "Thầy là bánh hằng sống" (Gioan 6, 35.48). "Thầy là bánh từ trời xuống. Ai ăn bánh này sẽ sống đời đời" (Gioan 6, 51). (Bánh ở đây phải hiểu là bánh miến).

◦ "Thầy là cây nho thật" (Gioan 15, 1). "Thầy là cây nho, các con là ngành nho..." (Gioan 15, 5).

"Bánh miến" và "cây nho" là hai đề tài rất thường gặp trong Kinh Thánh.

Do đó, hai thứ thực phẩm này, hơn hẳn mọi thứ khác, nêu bật ý nghĩa về mối giao ước mới và vĩnh cửu giữa Thiên Chúa và loài người, được đóng ấn trong Đức Giêsu Kitô và được cử hành trong mỗi thánh lễ.

41. Tại sao buộc đi lễ ngày Chúa nhật?

Ngày nay, nhiều tín hữu nhiệt thành không thích kiểu nói "buộc đi lễ ngày Chúa nhật". Họ khó chấp nhận việc dâng lễ ngày Chúa nhật như là một bổn phận phải giữ! Thật vậy, người ta thường nói đến Kitô giáo với những bổn phận phải chu toàn.

Những kiểu nói "luật buộc", "bổn phận" đúng ra nên được hiểu như là những dấu hiệu báo động: chúng không chỉ định một lý tưởng phải vươn tới, nhưng chỉ là một nhắc nhở lòng trung thành cần phải giữ và phát triển.

Khi đức tin sống động thì không cần phải nói đến việc buộc giữ ngày Chúa nhật. Nếu bạn yêu mến Chúa Kitô thì bạn không thể không đáp lại lời mời gọi của Người. Khi bạn đang đói và được người ta dọn một bữa ăn thịnh soạn, hỏi rằng bạn có thực sự bị bắt buộc ăn hay không ? Nếu bạn khao khát hạnh phúc và bình an thì chỉ có Chúa Kitô mới có thể làm cho bạn thỏa lòng. Vậy bạn có bị bắt buộc phải tiếp đón Chúa Kitô khi Người mời gọi bạn đến dự tiệc Thánh Thể của Người không? Tham dự thánh lễ không phải là dịp để chúng ta lấy lại sức cho đời sống thường nhật của chúng ta hay sao?

Trước câu hỏi: "có buộc đi lễ các ngày Chúa nhật hay không?", câu trả lời sẽ là "có" cho những ai không mắc ngăn trở thật sự để đến tham dự thánh lễ.

Vả lại, Giáo Hội khuyến nhủ các tín hữu cử hành thánh lễ hằng ngày. Tham dự thánh lễ mỗi ngày là thông phần hoàn toàn với hành vi phụng vụ của Giáo Hội để dâng lên trên bàn thờ tất cả đời sống và lịch sử của con người. Đối với các tín hữu có thể đi nhà thờ được, thánh lễ hằng ngày đặt sự phục sinh của Chúa Kitô ngay giữa các hoạt động trong ngày của họ: nghề nghiệp, gia đình, xã hội, v.v...

Trong mỗi quan hệ của chúng ta đối với Thiên Chúa, khi chúng ta bắt đầu tính toán để khởi làm hơn bốn phận đòi hỏi, làm vừa vặn cho đúng luật buộc, khi chúng ta cố "mặc cả" về điều "được phép" và "điều cấm đoán" để tìm ra những điều dễ làm hơn, khi chúng ta muốn tìm ơn cứu rỗi "rẻ tiền", thì lúc đó chúng ta nên xét lại tình trạng sức khỏe đức tin của chúng ta!

Phần III: TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bộ Giáo lý Đức tin.
- Giáo trình Giáo lý của Hội đồng Giám mục Việt Nam.
- Tài liệu Phụng vụ của ban Giáo lý giáo Phận Đà Nẵng
- Tài liệu phụng của dòng Đồng công Hoa Kỳ
- Tài liệu Giáo lý năm Đức tin của Giáo phận Hải Phòng.
- Tài liệu Giáo lý năm Đức tin Giáo phận Thái Bình.